

# TỈNH NGHỆ AN VỚI TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI XIII: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

*Tỉnh Nghệ An*

Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tỉnh Nghệ An tham gia đóng góp tham luận với chủ đề "*Tỉnh Nghệ An với triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII: Cơ hội, thách thức và phương hướng nhiệm vụ*".

*Kính thưa quý vị đại biểu, thưa các đồng chí!*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công rực rỡ, thông qua Nghị quyết Đại hội và các văn kiện quan trọng, tổng kết các thành tựu và bài học của nhiệm kỳ qua cũng như 35 năm Đổi mới, đề ra tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của đất nước từ nay đến 2045. Đó chính là sự kết tinh khát vọng phát triển ngàn đời của dân tộc mà nay dưới sự lãnh đạo của Đảng đang có cơ hội hiện thực hóa.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII là kim chỉ nam cho việc triển khai công tác đối ngoại, thể hiện mạnh mẽ tinh kế thừa và tinh thần đổi mới tư duy, phù hợp với thực tiễn, cũng như với thế và lực mới của đất nước. Chỉ với bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ, đồng lòng nhất trí của toàn hệ thống chính trị và toàn dân, chúng ta mới thực hiện được thắng lợi đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của đất nước trong những năm tới.

**Hiệu quả hoạt động đối ngoại tỉnh Nghệ An trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện**

Hòa chung xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, lãnh đạo của Nhà nước, cùng sự quan tâm của các cơ quan đối ngoại của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; trong những năm qua tỉnh Nghệ An đã và đang tích cực đẩy mạnh hoạt động đối ngoại trên cả 3 trụ cột chính: đối ngoại Đảng, Ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và trên 3 lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa. Hoạt động đối ngoại những năm gần đây của tỉnh diễn ra sôi nổi và có nhiều khởi sắc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, nâng cao vai trò, vị thế và quảng bá hình ảnh người Nghệ An đến khu vực trong và ngoài

*Về lĩnh vực chính trị - an ninh đối ngoại:* Là tỉnh có đường biên giới giáp nước CHDCND Lào dài nhất cả nước, Nghệ An đặc biệt coi trọng quan hệ hợp tác với Lào một cách toàn diện và thường xuyên thông qua các hoạt động trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, tổ chức cán bộ, đào tạo, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền các cấp. Đặc biệt, công tác quản lý, bảo vệ hệ thống mốc quốc giới và đường biên giới được triển

khai hiệu quả góp phần giữ vững ổn định, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên biên giới và tăng cường, củng cố xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị giữa hai nước Việt Nam - Lào nói chung và Nghệ An với các tỉnh của Lào nói riêng. Bên cạnh đó, tỉnh đã chủ động chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo trên địa bàn góp phần giữ vững chủ quyền biển, đảo, các quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam trên biển, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

*Về lĩnh vực kinh tế đối ngoại:* Xác định ngoại giao kinh tế là mục tiêu đi đầu trong công tác đối ngoại của tỉnh, thời gian qua, hợp tác quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, có hiệu quả cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tỉnh Nghệ An luôn duy trì và củng cố hợp tác với các tỉnh có quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống, bao gồm các tỉnh Xiêng Khoảng, Hủa Phăn và Bôlykhamxay (CHDCND Lào), tỉnh Gyeonggi (Hàn Quốc), tỉnh Gifu và Shizuoka (Nhật Bản), tỉnh Ulianốp (Liên bang Nga), tỉnh Quảng Tây và Hồ Nam (Trung Quốc)... ; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động trao đổi đoàn; xúc tiến thiết lập quan hệ hữu nghị với các địa phương mới như thành phố Deagu (Hàn Quốc), bang Thuringen (Đức)..., tổ chức làm việc với các Cơ quan đại diện nước ngoài (đặc biệt là những đối tác quan trọng như Đại sứ quán các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan...), các tổ chức hiệp hội của các nước tại Việt Nam như JICA, KOICA, JETRO, KORCHAM, AUSCHAM.. và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Những hoạt động trên đã góp phần giới thiệu quảng bá về hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của tỉnh đến với đông đảo đối tác, bạn bè trên thế giới từ đó thúc đẩy hoạt động đầu tư, thương mại quốc tế của tỉnh Nghệ An.

Nghệ An còn đẩy mạnh thu hút các nguồn viện trợ chính thức ODA, viện trợ phi chính phủ nước ngoài NGO, đóng góp đầu tư của Kiều bào trong sản xuất hàng hóa. Đây là nguồn ngoại lực quan trọng đóng vai trò tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Hiện nay, tỉnh đã thu hút được một số nhà đầu tư lớn với các dự án mang tính động lực cho phát triển kinh tế của tỉnh như Hoàng Thịnh Đạt, Tập đoàn VSIP, WHA (Thái Lan) tạo nền tảng hạ tầng khu công nghiệp đồng bộ để chào đón các nhà đầu tư nước ngoài đến với tỉnh Nghệ An. Với sự đầu tư bài bản của các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, trong 2 năm trở lại đây, có nhiều dự án FDI lớn với số vốn đăng ký hàng trăm triệu USD, có hàm lượng công nghệ cao đến với Nghệ An như Gotek, Luxshare, Everwin, Juteng... Trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện có 100 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.447,39 triệu USD của các nhà đầu tư đến từ 14 quốc gia và vùng lãnh thổ, gồm Trung Quốc (Đài Loan) có 22 dự án với 644,53 triệu USD, Hàn Quốc có 32 dự án/196,81 triệu USD, Thái Lan có 16 dự án/261,52 triệu USD, Nhật Bản có 10 dự án/107,48 triệu USD, Singapore có 3 dự án/174,38 triệu USD, Ấn Độ có 4 dự án/10,95 triệu USD, Mỹ có 2 dự án/7,5 triệu USD, Úc có 3 dự án/19,10 triệu USD...

Hoạt động xuất nhập khẩu thời gian qua liên tục tăng trưởng trên nhiều tiêu chí: kim ngạch, thị trường, mặt hàng và cả chủ thể tham gia xuất khẩu góp phần

ổn định kinh tế, xã hội như giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo và đóng góp vào ngân sách tỉnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh từ 705 triệu USD năm 2015 lên 1.610 triệu USD năm 2021, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng từ 463 triệu USD năm 2015 lên 840 triệu USD năm 2021 (tăng 81,42%). Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn đạt 11,9%/năm. Tỷ lệ hàng thô, chưa qua chế biến giảm, tỷ lệ hàng công nghiệp và hàng qua chế biến tăng cao.

Tính đến nay, có 31 chương trình, dự án ODA với tổng mức đầu tư 15.050 tỷ đồng đang triển khai thực hiện ở hầu hết các địa bàn trong tỉnh trên các lĩnh vực: xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, đường giao thông, thủy lợi, nông lâm nghiệp thủy sản, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường, điện nông thôn, giáo dục đào tạo, y tế giảm nghèo, giúp cải thiện đáng kể về điều kiện sống của người dân, đặc biệt là ở các khu vực miền núi, khó khăn. Các hạng mục công trình nhiều dự án khi đi vào hoạt động đã phát huy hiệu quả cao, có tác động lan tỏa, làm tiền đề hỗ trợ phát triển các ngành nghề kinh tế trên địa bàn, góp phần thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách vào tỉnh Nghệ An...

Trung bình mỗi năm có khoảng 55 tổ chức phi chính phủ nước ngoài triển khai hoạt động tại Nghệ An với 40 chương trình, dự án có nguồn vốn viện trợ 4-5 triệu USD, tập trung ở lĩnh vực ưu tiên như hỗ trợ phát triển nông thôn, y tế, giáo dục, dạy nghề, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống mua bán người, học bổng... Địa bàn triển khai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các vùng đồng bằng ven biển, vùng ảnh hưởng thiên tai. Thông qua việc triển khai các dự án đã cải thiện mức thu nhập và nâng cao đời sống của người dân có hoàn cảnh khó khăn, giúp những người yếu thế, trẻ em, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số và hộ gia đình khó khăn tự tin hơn trong cuộc sống, đồng thời nâng cao nhận thức và sự quan tâm của chính quyền, các cơ quan và cả người dân vùng hưởng lợi.

Tỉnh Nghệ An có hơn 75.000 người Nghệ An đang sinh sống, lao động và học tập ở nước ngoài. Hàng năm, lượng kiều hối chuyển về tỉnh khoảng 500 triệu USD/năm, thông qua ngân hàng và các con đường khác, góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của người dân. Ngoài đóng góp kiều hối, Kiều bào Nghệ An còn đầu tư các dự án tại tỉnh Nghệ An. Hiện có 13 dự án của các doanh nhân/doanh nghiệp là Kiều bào về đầu tư tại tỉnh với tổng vốn triển khai khoảng 6.560 tỷ đồng. Các dự án chủ yếu tập trung vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, du lịch, chung cư, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, thương mại, khai thác chế biến khoáng sản, may mặc xuất khẩu, sản xuất dây cáp điện, linh kiện phụ tùng... Các dự án của Kiều bào ở nước ngoài đã góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu ngân sách cho tỉnh, chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh.

*Về lĩnh vực văn hóa đối ngoại:* Các hoạt động văn hóa đối ngoại được triển khai mạnh mẽ, thông qua các hoạt động nổi bật như lồng ghép nội dung văn hóa đối ngoại trong các đoàn đi công tác nước ngoài, các hội nghị, hội thảo quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Nghệ An đến các đối tác nước ngoài. Một số hoạt động văn hóa đối ngoại tiêu biểu như: Khánh thành

công trình Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Ulianốp, tỉnh Ulianốp, Liên bang Nga; tổ chức nhiều đoàn nghệ thuật biểu diễn dân ca Ví Giặm tại các nước trên thế giới để quảng bá Dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh; Các sự kiện văn hóa tổ chức tại tỉnh có sự tham gia của các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế: Hội thảo bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản; Hội thảo quốc tế Di sản Hồ Chí Minh với Ngoại giao văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; Chương trình thăm tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào năm 2019 với những hoạt động hấp dẫn, sôi động, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia...

Có thể khẳng định thời gian qua hoạt động đối ngoại của tỉnh nhà được triển khai tốt trên các mặt công tác, đem lại hiệu quả thiết thực. Tỉnh Nghệ An đã và đang ngày càng khẳng định vị thế của địa phương và đóng góp vào tiến trình hội nhập thế giới của đất nước.

### **Tỉnh Nghệ An triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII thời gian tới**

Mặc dù đạt được những kết quả đáng ghi nhận, song công tác đối ngoại vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Hoạt động đối ngoại chưa có sự đột phá. Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, các hoạt động đối ngoại của tỉnh Nghệ An trong năm 2020-2021 được triển khai rất hạn chế.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại trong thời gian tới, tỉnh Nghệ An cần chủ động, linh hoạt, vận dụng sáng tạo, tập trung triển khai hiệu quả đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng XIII đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 theo chủ trương Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ.

Từ cơ sở thực tiễn, tiềm năng, lợi thế và triển vọng của tỉnh Nghệ An về công tác đối ngoại, phương hướng nhiệm vụ đối ngoại tỉnh nhà thời gian tới như sau:

**Thứ nhất**, cụ thể hóa đường lối đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước thành chương trình, hành động cụ thể nhằm tăng cường quan hệ hợp tác thực chất, hiệu quả. Hàng năm, xây dựng và triển khai Chương trình hoạt động đối ngoại tỉnh Nghệ An có trọng tâm, trọng điểm thiết thực, hiệu quả với mục tiêu bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động đối ngoại.

**Thứ hai**, nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công chức các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân về hoạt động đối ngoại. Quyết liệt đổi mới tư duy từ cấp lãnh đạo cho tới cán bộ tham mưu về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Nhận thức sâu sắc về vai trò của đối ngoại đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà trong thời kỳ mới. Tìm hiểu để nắm bắt được những thay đổi của xu thế quốc tế, những biến động quốc tế và khu vực, những

thời cơ và thách thức đối với địa phương đồng thời phải xác định và nhận thức rõ hơn giá trị cốt lõi và thế mạnh của địa phương, tích cực tìm kiếm giải pháp để nâng cao chất lượng công tác đối ngoại và xây dựng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

**Thứ ba**, tăng cường mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với các nước, vùng lãnh thổ thuộc khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, đặc biệt là với các tỉnh của nước bạn Lào có chung đường biên giới với tỉnh Nghệ An. Tiếp tục củng cố, phát huy quan hệ hữu nghị hợp tác với các địa phương và đối tác truyền thống. Củng cố và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ đối tác truyền thống với các tỉnh của Lào, đặc biệt là các đối tác quan trọng như tỉnh Gifu (Nhật Bản), Gyeonggi (Hàn Quốc), U-li-a-nốp (Liên bang Nga), Hồ Nam và Quảng Tây (Trung Quốc), Bang Nam Úc, các tỉnh trong Hiệp hội các tỉnh sử dụng đường 8 và đường 12 của 03 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan nhằm đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào chiều sâu, thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa tỉnh với các đối tác. Đẩy mạnh xúc tiến thiết lập mối quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng với tỉnh Nghệ An và có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, xuất khẩu lao động, giáo dục và đào tạo, giao lưu văn hóa như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Pháp, Thái Lan... Dự kiến giai đoạn 2021-2025, tỉnh Nghệ An sẽ thiết lập quan hệ hữu nghị với 1-2 tỉnh nước ngoài.

**Thứ tư**, thúc đẩy mạnh mẽ, có hiệu quả hơn nữa các hoạt động kinh tế đối ngoại. Tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư và tranh thủ các nguồn lực, nguồn viện trợ phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh Nghệ An xác định ngoại giao kinh tế là một chiến lược quan trọng để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Vì vậy, duy trì cơ chế trao đổi thường xuyên giữa tỉnh với của các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương và các cơ quan ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong công tác định hướng đối tác, cung cấp thông tin, sắp xếp gặp gỡ giữa địa phương và các doanh nghiệp nước ngoài tạo thuận lợi cho công tác quảng bá, xúc tiến thu hút đầu tư, thương mại, du lịch và nguồn viện trợ không hoàn lại dành cho tỉnh.

**Thứ năm**, làm tốt công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Tổ chức quản lý và bảo vệ an toàn hệ thống các công trình mốc quốc giới, cọc dấu biên giới trên thực địa. Phối hợp chính quyền các tỉnh Lào tiếp giáp biên giới (Xiêng Khoáng, Hủa Phăn và Bo Ly Khăm Xay) thực hiện tốt công tác quản lý, bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ biên giới và các chương trình kết nghĩa giữa hai địa phương, giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào, Công tác quy tập hài cốt liệt sỹ... Tổ chức tuần tra, kiểm soát bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo, kịp thời xử lý có hiệu quả các vụ việc xảy ra, không để xảy ra điểm nóng. Tổ chức tập huấn tuyên truyền nâng cao kiến thức,

nhận thức pháp luật cho cán bộ, nhân dân các xã biên giới biển thuộc các huyện Diên Châu, Quỳnh Lưu, thị xã Hoàng Mai.

*Thứ sáu*, củng cố, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp. Thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 06/7/2011 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới, tỉnh Nghệ An sẽ tập trung đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân với nhân dân các nước có quan hệ đối tác chiến lược, bạn bè truyền thống, các địa phương kết nghĩa với tỉnh Nghệ An vì hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác phát triển.

*Thứ bảy*, kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác đối ngoại, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngoại vụ về cả chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tỉnh Nghệ An có đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại bản lĩnh, năng động và tận tâm, đây là yếu tố rất quan trọng đảm bảo việc tham mưu và triển khai các nội dung, hoạt động đối ngoại từ Trung ương đến tỉnh và với các đối tác nước ngoài luôn được nhuần nhuyễn, chất lượng. Tuy nhiên, đáp ứng yêu cầu trước tình hình mới, cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ngày càng năng động, hiểu biết rộng ở nhiều lĩnh vực, đáp ứng trình độ ngoại ngữ, tin học đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

Với khát vọng phát triển, quyết tâm chính trị, nỗ lực không ngừng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tỉnh Nghệ An chắc chắn sẽ thực hiện thành công mục tiêu đưa Nghệ An đến năm 2025 trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước. Mà ở đó, công tác đối ngoại tự hào ghi dấu ấn của mình trong hành trình vinh quang này./.

## TỈNH QUẢNG NINH VỚI TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI XIII: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

*Tỉnh Quảng Ninh*

Quảng Ninh là tỉnh có vị trí trọng yếu về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và được cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng ví như “một Việt Nam thu nhỏ”; là địa phương duy nhất trong cả nước có biên giới trên bộ, trên biển với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (đường biên giới trên bộ 118,825 km; đường phân định Vịnh Bắc Bộ trên biển 191 km); trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, Quảng Ninh là điểm nút quan trọng trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt - Trung”, hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapo, khu vực hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng và trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA). Cùng với Hà Nội và Hải Phòng, Quảng Ninh được đánh giá là một trong 3 đầu tàu phát triển kinh tế của vùng và được xác định như một trung tâm trung chuyển hàng hóa giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước ASEAN. Những lợi thế đó đưa Quảng Ninh trở thành cửa ngõ hội nhập quốc tế với thế giới của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cầu nối giữa Việt Nam với các nước ASEAN và khu vực Đông Bắc Á. Bên cạnh đó, Quảng Ninh còn có nhiều cảnh quan có giá trị toàn cầu như vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, danh thắng Yên Tử; có nguồn tài nguyên, khoáng sản phong phú đa dạng với trữ lượng than lớn nhất Đông Nam Á; có nền tảng văn hoá lâu đời với xã hội, con người là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng... Đây là điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh hội nhập sâu rộng, là cơ hội lớn để tỉnh phát triển kinh tế tổng hợp, toàn diện, hiện đại, với độ mở cao.

Bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, căn cứ vào các điều kiện cụ thể của địa phương, tỉnh Quảng Ninh luôn có sự sáng tạo, chủ động đề ra nhiều chủ trương, biện pháp tăng cường hội nhập kinh tế và phát triển quan hệ đối ngoại. Thắng lợi của công tác đối ngoại với chính sách mở cửa và hội nhập đã tạo ra sự bứt phá trong việc huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Quảng Ninh trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của miền Bắc, đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của đất nước. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2015 - 2020) đạt 10,7% trong điều kiện bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, cao hơn so với bình quân chung cả nước. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 6.700 USD, gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo đúng định hướng chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; khách du lịch quốc tế đến Quảng Ninh

ngày càng tăng, chiếm gần 40% tổng số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, du lịch, dịch vụ có bước phát triển đột phá thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập quốc tế. Hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực biên giới chuyển dần từ tiểu ngạch sang chính ngạch; bước đầu hình thành thương mại điện tử.

Đặc biệt, năm 2021, trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến rất phức tạp, khó lường, với những biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm hơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là ngành du lịch, dịch vụ - ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Song với sự nỗ lực, cố gắng, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang, các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục đạt được những kết quả rất toàn diện và nổi bật, trở thành điểm sáng, địa phương điển hình về phòng, chống dịch COVID-19, giữ vững địa bàn “An toàn - Ổn định - Phát triển” và thực hiện thành công “mục tiêu kép”. Trong điều kiện ngành than, dịch vụ, du lịch vốn là ngành kinh tế mũi nhọn gặp khó khăn, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh Quảng Ninh năm 2021 ước đạt 10,28%, đứng thứ hai toàn quốc, cao gấp nhiều lần bình quân chung cả nước, đưa Quảng Ninh trở thành một trong hai địa phương ở phía Bắc 6 năm liền đạt mức tăng trưởng 02 con số. Cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tiếp tục được cải thiện: Chỉ số PCI và PAR Index dẫn đầu cả nước 04 năm liên tiếp (2017-2020), Chỉ số SIPAS dẫn đầu các tỉnh, thành phố 02 năm liên tiếp (2019-2020) và năm 2020 lần đầu tiên tỉnh dẫn đầu toàn quốc về Chỉ số PAPI; Quảng Ninh hiện là địa phương duy nhất dẫn đầu cả nước cùng lúc ở cả 4 chỉ số (PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI), thu hút đầu tư ngoài ngân sách tăng cao, đạt 361.143 tỷ đồng, trong đó thu hút FDI thế hệ mới có bước đột phá, đạt trên 1 tỷ USD, gấp 2,67 lần so với cùng kỳ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 145 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 8,15 tỷ USD; thị trường xuất khẩu mở rộng tới trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ ở khắp các châu lục.

Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được bảo đảm, chủ quyền biên giới, biển đảo quốc gia được giữ vững, không để xảy ra các tình huống bị động, bất ngờ; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng và đi vào chiều sâu. Có khả năng ứng phó có hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, thiên tai.

Hoạt động đối ngoại của tỉnh được tăng cường, mở rộng, kể cả ngoại giao Đảng, Chính quyền và ngoại giao Nhân dân; tích cực mở rộng hợp tác với đối tác mới, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối tác; xác định đối tác chiến lược, đối tác tiềm năng để chủ động hợp tác; thống nhất, linh hoạt, toàn diện, phù hợp với tình hình thực tế, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Quảng Ninh đã thiết lập quan hệ đối ngoại với 15 địa phương nước ngoài, có quan hệ kinh tế thương mại với trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ và với nhiều tổ chức, diễn đàn khu vực, quốc tế. Trong đó nổi bật như: Diễn đàn hợp tác du lịch Đông Á (EATOF); hợp tác hai hành lang - một vành đai Việt Nam - Trung Quốc; Câu



lạc bộ các vịnh đẹp thế giới; Tam giác Di sản Udonthani (Thái Lan) - Luangprabang (Lào) và Quảng Ninh (Việt Nam)... Với vị trí địa lý tiếp giáp, tỉnh Quảng Ninh luôn chú trọng phát triển quan hệ giao lưu hữu nghị, hợp tác với các địa phương của Trung Quốc. Đặc biệt ghi dấu ấn quan trọng trong quan hệ đối ngoại của tỉnh phải kể đến quan hệ với các địa phương của nước láng giềng Trung Quốc, nhất là Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, hai bên đã hợp tác toàn diện ở các cấp, các ngành trên cả bình diện song, đa phương. Tỉnh uỷ Quảng Ninh và Khu uỷ Quảng Tây đã ký kết bản thoả thuận về tăng cường giao lưu hữu nghị giữa các tổ chức cơ sở đảng địa phương và ký biên bản hội đàm giữa Tỉnh uỷ Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn với Khu uỷ Quảng Tây. Đây là bước ngoặt quan trọng trong việc tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai Tỉnh - Khu, đồng thời cũng là cơ sở quan trọng để hai bên thúc đẩy hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Ngoài ra, Quảng Ninh đẩy mạnh quan hệ hợp tác với tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) về lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu xây dựng đặc khu kinh tế; cơ chế hợp tác trong hành lang kinh tế Vân Nam - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Quảng Ninh; quan hệ với các địa phương khác thuộc Trung Quốc như: Hải Nam, Phúc Kiến, Triết Giang... Hiện nay, Tỉnh đã ký 17 thoả thuận cấp tỉnh với các địa phương của Trung Quốc. Thông qua các quan hệ hợp tác này, tỉnh Quảng Ninh từng bước xác lập vị trí “cửa ngõ, cầu nối” trong mắt xích hợp tác giữa Việt Nam - ASEAN - Trung Quốc đem lại nhiều lợi ích thiết thực, đạt được nhiều kết quả quan trọng trên hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực hợp tác kinh tế, thương mại biên giới; đầu nối giao thông đường bộ, mở và nâng cấp cửa khẩu; hợp tác quản lý biên giới, duy trì an ninh, an toàn trật tự, phòng chống tội phạm trên khu vực biên giới góp phần nâng cao đời sống Nhân dân khu vực biên giới hai bên. Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ninh đã cụ thể hoá phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị với 3 địa phương Bắc Lào trên tinh thần quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào; đẩy mạnh phát triển quan hệ với các địa phương và đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc; ký quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác tiềm năng như Irkutsk (Nga), Kalovy Vary (Séc)...

Đối ngoại văn hóa đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thực hiện chủ trương xây dựng ngoại giao toàn diện trên cơ sở ba trụ cột (kinh tế, văn hóa, chính trị), Quảng Ninh đã tổ chức các sự kiện văn hoá đối ngoại trên địa bàn như: Carnival Hạ Long, Hội chợ OCOP, Tuần Lễ Du lịch Hạ Long, Lễ hội Hoa Anh Đào - Mai Vàng Yên Tử; duy trì hát đối trên sông Bắc Luân tại Hội chợ thương mại biên giới Việt - Trung; duy trì Hội thi tiếng hát hữu nghị Việt - Trung trên sông biên giới; đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan báo, đài của Quảng Tây (Trung Quốc), Gangwon (Hàn Quốc); trao đổi thông tin giữa Đài Phát thanh truyền hình Quảng Ninh và Quảng Tây cùng xuất bản Đặc san Hoa Sen phát hành trên lãnh thổ hai quốc gia... qua đó đã tăng cường sự hiểu biết và gắn bó giữa nhân dân tỉnh Quảng Ninh và nhân dân các nước. Những kết quả đạt được trong công tác đối ngoại văn hóa đã trở thành nguồn “sức mạnh mềm” quan trọng, từng bước khẳng định vị trí trong công tác đối ngoại thời kỳ mới; góp phần thu hút số lượng lớn du khách nước ngoài đến tham quan, du lịch và tìm hiểu cơ hội đầu tư, hợp tác trên

các lĩnh vực; hình ảnh, vị thế của tỉnh được nâng cao ở trong nước và trên thế giới...

Từ đầu năm 2020 đến nay, trước những tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, công tác đối ngoại của tỉnh, nhất là đối ngoại biên giới đã được triển khai theo hướng linh hoạt, sáng tạo. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Tỉnh đã phối hợp tổ chức đón, bố trí địa điểm cách ly phòng chống dịch COVID-19 cho gần 33.000 công dân Việt Nam và hơn 14.000 người nước ngoài là đoàn các nhà ngoại giao, nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia, lao động kỹ thuật cao người nước ngoài đến Việt Nam làm việc qua sân bay quốc tế Vân Đồn, qua cửa khẩu quốc tế Móng Cái đảm bảo chu đáo, an toàn đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên cả nước.

Bên cạnh những cơ hội, thuận lợi và những kết quả đạt được, việc triển khai đường lối đối ngoại tại tỉnh Quảng Ninh còn có nhiều khó khăn, thách thức: (1) Quảng Ninh có chung đường biên giới trên bộ và trên biển (9/13 địa phương giáp biển) đòi hỏi phải nâng cao năng lực “xử lý” những vấn đề nhạy cảm. Bên cạnh đó, tỉnh cũng là trung tâm Phật giáo của cả nước, là nơi sinh sống của 22 dân tộc anh em và số lượng lớn người lao động nước ngoài. Các vấn đề an ninh phi truyền thống liên quan đến dịch bệnh, nước biển dâng... tác động trực tiếp tới tỉnh. Có thể nói, công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh Quảng Ninh luôn phải đối diện với thách thức khi đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ quan trọng: vừa phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; vừa chủ động góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một cách thường xuyên, trực tiếp ở một địa bàn tiền tiêu của Tổ quốc trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; (2) Vị trí của Quảng Ninh trong Hai hành lang một vành đai kinh tế, cửa ngõ ASEAN - Trung Quốc, Hành lang Nam Ninh - Singapore, Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng, Tiểu vùng sông Mekong mở rộng... được đánh giá là chiến lược, quan trọng nhưng chưa được khai thác hiệu quả; (3) Hiệu quả của khu vực đầu tư nước ngoài còn thấp; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chưa có nhiều đột phá, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; (4) Hợp tác quốc tế trong quản lý di sản, quảng bá, xúc tiến du lịch, đầu tư, thương mại... chưa thực sự hiệu quả; (5) Vị thế của doanh nghiệp Quảng Ninh trong thị trường quốc tế còn khiêm tốn; sản xuất và xuất khẩu hàng hóa chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm nhất là sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế; chưa có nhiều sản phẩm có thương hiệu mạnh, đối với cả trong và ngoài nước; (6) Thương mại biên giới phát triển chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào chính sách biên mậu và yếu tố bên ngoài. Công tác quản lý biên giới còn gặp nhiều khó khăn.

Trong thời gian tới, bối cảnh quốc tế, khu vực trong nước và trong tỉnh có nhiều cơ hội mới cùng những khó khăn, thách thức đan xen, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV xác định mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng “*Chủ động, tích cực, sáng tạo triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tạo thế đan xen lợi ích*”

trên địa bàn Tỉnh và từng địa phương. Tăng cường thông tin tuyên truyền đối ngoại, tập trung quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Quảng Ninh, Việt Nam. Nâng cao năng lực hội nhập cho các chủ thể là doanh nghiệp và người dân. Triển khai thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do. Tăng cường hợp tác và hữu nghị với các địa phương của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác, phát triển". Theo đó, sẽ tập trung vào những nhiệm vụ then chốt cụ thể sau:

**Một là, tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại:** Triển khai có hiệu quả các thỏa thuận hữu nghị, hợp tác mà tỉnh Quảng Ninh đã ký kết với một số địa phương của nước ngoài theo hướng chuyển từ "hiểu biết" sang "tin cậy", từ "kết nghĩa" sang "hợp tác thực chất, cùng có lợi"; nghiên cứu mở rộng việc ký kết thỏa thuận thiết lập quan hệ hữu nghị và giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực với tỉnh, thành phố có điều kiện tương đồng hoặc có lợi thế so sánh khác biệt thuộc các nước khu vực ASEAN, Đông Bắc Á, châu Âu, Châu Mỹ... để thúc đẩy đầu tư, kết nối hàng không, xây dựng các tuyến du lịch. Tiếp tục phát huy hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã có để tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, tiếp thu tri thức về quản lý và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, môi trường và các lĩnh vực khác. Theo đó, cụ thể hóa có hiệu quả các biên bản thỏa thuận hữu nghị bằng các chương trình hợp tác cụ thể về kinh tế, du lịch với tỉnh Irkutsk (Nga) (kết nối tuyến du lịch hồ Balka và vịnh Hạ Long); Karlovy Vary (Séc)...; mở rộng quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực với các đối tác lớn, quan trọng, phát triển quan hệ với các đối tác mới, đối tác tiềm năng ở khu vực, địa bàn trọng điểm, như: các nước trong khối ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Đông, Châu Âu và Bắc Mỹ...

**Hai là, tăng cường hợp tác và hữu nghị với các địa phương của Trung Quốc,** trọng tâm là thúc đẩy hợp tác toàn diện với Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây tập trung vào các lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch, kết nối hạ tầng giao thông, quản lý cửa khẩu, quản lý biên giới, quản lý lao động qua biên giới, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục - đào tạo, nông nghiệp, giao lưu nhân dân, giao lưu văn hóa... Phát huy tốt vai trò của các cơ chế hợp tác hiện có với Quảng Tây (Hội đàm Gặp gỡ đầu xuân giữa Bí thư Tỉnh ủy 04 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Bí thư Khu ủy Quảng Tây; Ủy ban công tác liên hợp giữa 04 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang với Quảng Tây; cơ chế hội đàm của các ngành chức năng và địa phương biên giới...) theo hướng thực chất, đôi bên cùng có lợi. Tăng cường trao đổi, hội đàm ở các cấp nhằm không ngừng tăng cường tin cậy, hiểu biết lẫn nhau. Qua đó, kịp thời nắm bắt, cập nhật chính sách, quy định xuất nhập khẩu hàng hóa và xuất nhập cảnh của hai bên, bảo đảm tính ổn định khi triển khai các quy định, chính sách mới, đặc biệt liên quan đến vấn đề xuất nhập khẩu hàng hóa chính ngạch qua các cửa khẩu của Quảng Ninh (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc). Duy trì thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các Hiệp ước, điều ước, các thỏa thuận hai nước và cấp tỉnh đã ký kết. Thúc đẩy quan hệ hợp tác thiết thực, hiệu quả đi vào chiều sâu với các

đối tác truyền thống như: Phúc Kiến, Vân Nam, Quảng Đông (Trung Quốc), tập trung vào những lĩnh vực thuộc thế mạnh của các địa phương hai bên, như: Triển khai các nội dung hợp tác về y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch; nghiên cứu sớm mở đường bay kết nối các tuyến du lịch giữa Vân Nam, Phúc Kiến (Trung Quốc) và Quảng Ninh (Việt Nam); khai thác có hiệu quả tuyến du lịch đường biển Hạ Long - Cảng Phòng Thành, Hạ Long - Bắc Hải; tăng cường trao đổi phát triển hợp tác logistics qua biên giới, các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, nhất là các sản phẩm nông, lâm, thủy sản mà hai bên có lợi thế.

**Ba là, đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương:** Triển khai có hiệu quả các nội dung hợp tác nhằm tranh thủ các cơ hội trong các chương trình hợp tác về du lịch giữa Trung Quốc với ASEAN, cụ thể: Chương trình hợp tác phát triển du lịch Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng GMS; Chương trình hợp tác du lịch giữa tỉnh Quảng Tây, tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) với tỉnh Quảng Ninh; Phát triển Du lịch giữa ba tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) - Luang Prabang (Lào) - Udon Thani (Thái Lan) trong khuôn khổ Dự án Tam giác Di sản Vịnh Hạ Long - Luang Prabang - Ban Chiang với mục tiêu cùng nhau thúc đẩy và tiếp thị điểm đến du lịch trong Tam giác di sản “ba di sản - một điểm đến”; hợp tác du lịch trong khuôn khổ liên khu vực Đông Bắc Á (EATOF). Tăng cường hợp tác, liên kết vùng với địa phương các nước có chiến lược thương mại, du lịch phù hợp với Hiệp định ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) để phát huy tối đa vai trò cửa ngõ, cầu nối hợp tác quan trọng ASEAN với Trung Quốc và thế giới. Tích cực triển khai hoạt động liên kết vùng trong khuôn khổ “Hai hành lang - Một vành đai kinh tế” Việt Nam - Trung Quốc. Hình thành mối quan hệ chiến lược với các đối tác có uy tín, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới với hình thức và mức độ phù hợp nhằm tạo thế đan xen về lợi ích và thúc đẩy phát triển kinh tế.

**Bốn là, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế:** Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư tạo cơ sở thu hút hiệu quả nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, hằng năm, giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông của Tỉnh (ICT Index). Ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy phát triển giáo dục thông minh, sản xuất thông minh, quản lý thông minh, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, đô thị xanh, đào tạo công dân thông minh. Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án chế biến chế tạo có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

**Năm là, phát huy lợi thế địa kinh tế chiến lược của Quảng Ninh:** Phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, dịch vụ khai thác hiệu quả đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái; đầu tư cơ sở hạ tầng, đường giao thông biên giới kết nối

các cửa khẩu phụ, điểm thông quan; phát triển và hoàn thiện hệ thống hạ tầng dịch vụ xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu (hệ thống kho, bãi, cảng cạn ICD, hệ thống trung tâm logistics, hệ thống chợ biên giới, ...). Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để khai thác có hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế - thương mại với Trung Quốc khi Đề án Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc) có hiệu lực và đi vào hoạt động. Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa hiện đại của khu vực. Đẩy mạnh các liên kết, phối hợp về hoạt động thương mại biên giới giữa tỉnh Quảng Ninh với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cùng giải quyết các vấn đề phát sinh và mở rộng mức độ thuận lợi hoá thương mại qua biên giới hai nước. Nhanh chóng hướng tới thực hiện cơ chế quản lý, chính sách nhất quán, rõ ràng, đồng bộ, ổn định về hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng với địa phương các nước có chiến lược thương mại, du lịch phù hợp với Hiệp định ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) để phát huy tối đa vai trò cửa ngõ, cầu nối hợp tác quan trọng ASEAN với Trung Quốc và thế giới. Tích cực triển khai hoạt động liên kết vùng trong khuôn khổ “Hai hành lang - Một vành đai kinh tế” Việt Nam - Trung Quốc. Hình thành mối quan hệ chiến lược với các đối tác có uy tín, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới với hình thức và mức độ phù hợp nhằm tạo thế đan xen về lợi ích và thúc đẩy phát triển kinh tế.

**Sáu là, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế cho doanh nghiệp và người dân:** Tăng cường thông tin tuyên truyền, phổ biến, cung cấp đầy đủ, cập nhật các thông tin về tình hình hội nhập và hướng dẫn cụ thể để doanh nghiệp nhận diện được những thách thức, tận dụng tối đa các cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế. Cập nhật thường xuyên, kịp thời những chủ trương, chính sách mới về hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt cập nhật các FTA thế hệ mới để doanh nghiệp và người dân chuẩn bị các điều kiện cần thiết, chủ động nghiên cứu, đánh giá khả năng tham gia các FTA với các đối tác mới nhằm tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của tỉnh. Chú trọng đào tạo, tập huấn cho các doanh nghiệp về cơ hội và thách thức của các FTA, các quy định, chuẩn mực quốc tế và các thể chế đa phương. Tuyên truyền mạnh mẽ, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo “công dân điện tử”, “công dân số”, để người dân có thể sử dụng thông thạo được các dịch vụ trực tuyến, đồng thời biết cách sử dụng các công cụ, mạng xã hội hợp lý, an toàn và tuân thủ pháp luật. Xây dựng hình ảnh “công dân tỉnh Quảng Ninh hội nhập và phát triển”; thúc đẩy việc học tập và thực hành ngoại ngữ trong mọi tầng lớp nhân dân; triển khai có hiệu quả Đề án “vận động thanh thiếu nhi tham gia học tập ngoại ngữ”; tăng cường đào tạo các kỹ năng mềm, chuẩn bị “hành trang hội nhập” cho thanh thiếu niên.

**Bảy là, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế:** Tập trung đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, bản lĩnh chính trị - tư tưởng, tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; có “tư duy toàn cầu” để nắm bắt và hiểu những thay đổi

của xu thế quốc tế và thực tiễn hội nhập quốc tế của nước ta, vừa nhận thức rõ hơn giá trị cốt lõi cũng như thế mạnh của tỉnh; có khả năng thích ứng linh hoạt với chuyển biến của tình hình và các yếu tố mới như ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại giao số, ngoại giao trực tuyến. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại, an ninh và phát triển, không để bị động, bất ngờ; chủ động đề xuất các chiến lược và giải pháp.

**Tám là, xây dựng Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh một cách tích cực, chủ động, đồng thời là phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế:** Đây là vấn đề mang tính chiến lược, là nguyên tắc bất biến, phải được thực hiện thường xuyên ở một địa bàn tiền tiêu của Tổ quốc như Quảng Ninh. Theo đó, tiếp tục củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững mạnh, toàn diện; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nhất là địa bàn chiến lược, trọng điểm tuyến biên giới, biển đảo; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo, linh hoạt các quan điểm của Đảng về “đối tác”, “đối tượng” tạo thế đan xen lợi ích; bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ biên giới, biển đảo. Triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ các nghị quyết của Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia trong tình hình mới. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa quốc phòng - an ninh - đối ngoại trong việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển. Chú trọng đảm bảo quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia trong triển khai các hoạt động đối ngoại. Tăng cường thu hút đầu tư của các nhà đầu tư đa quốc gia đến đầu tư, làm ăn, sinh sống tại các Khu Kinh tế Cửa khẩu, các huyện đảo tạo thế đan xen lợi ích và thế phòng thủ tự nhiên (phòng ngừa xung đột), tạo môi trường hòa bình, phát triển; góp phần xây dựng Quảng Ninh trở thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo toàn diện của cấp uỷ và sự quản lý thống nhất của chính quyền, các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của tỉnh Quảng Ninh sẽ được đẩy mạnh trên cả ba trụ cột: Ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hoá, kết hợp với công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Hoạt động đối ngoại Đảng, đối ngoại Chính quyền và đối ngoại Nhân dân sẽ đồng hành và phối hợp nhịp nhàng, nhằm huy động sức mạnh tổng hợp, đưa đối ngoại Quảng Ninh đi đến những thắng lợi mới, phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong tình hình mới, góp phần vào sự phát triển công tác đối ngoại chung của cả nước.

# TỈNH THANH HÓA VỚI TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI XIII: KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

*Tỉnh ủy Thanh Hóa*

Tỉnh Thanh Hóa nằm ở vị trí địa chiến lược quan trọng của đất nước. Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, Thanh Hóa luôn được coi là “vùng đất phen dậu”, giữ vị trí trọng yếu cả về chính trị, quân sự, ngoại giao và kinh tế; là cầu nối giữa Bắc bộ và Trung bộ, một trong số ít tỉnh trong cả nước có đủ cả 3 vùng sinh thái: Trung du miền núi, đồng bằng và ven biển; có đường biên giới dài 213,6 km giáp với tỉnh Hòa Bình, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và 102 km bờ biển; có diện tích tự nhiên 11.120 km<sup>2</sup>, dân số hơn 3,6 triệu người, đứng thứ 5 cả nước về diện tích và thứ 3 về dân số. Tỉnh có 27 huyện, thị xã, thành phố, 559 xã, phường, thị trấn, với 7 dân tộc anh em cùng sinh sống. Đảng bộ tỉnh có 31 đảng bộ trực thuộc, với trên 230 ngàn đảng viên, đứng thứ 2 cả nước sau Đảng bộ thành phố Hà Nội.

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự hỗ trợ, hợp tác, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành bạn, cùng với ý chí quyết tâm, nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đã phát huy nội lực, tiềm năng, lợi thế, tranh thủ thu hút đầu tư, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đại hội Đảng bộ các nhiệm kỳ đã đề ra.

Năm 2021, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức do đại dịch Covid-19 bùng phát, diễn biến rất phức tạp, kéo dài, tác động sâu rộng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực và đời sống Nhân dân, nhưng với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh Thanh Hóa vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, bài bản, sáng tạo, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, hạn chế tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 8,85%, đứng thứ 5 cả nước; các chỉ tiêu kinh tế quan trọng đều tăng khá và tăng cao so với cùng kỳ; thu ngân sách nhà nước ước đạt 32.420 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay; huy động vốn đầu tư phát triển ước đạt 137.630 tỷ đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ; kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng mạnh, giá trị xuất khẩu ước đạt 5,4 tỷ USD, tăng 43% so với cùng kỳ; giá trị nhập khẩu ước đạt 6,6 tỷ USD, tăng 24,4%. Du lịch phát triển cả về hạ tầng và chất lượng dịch vụ, nhiều tập đoàn lớn về du lịch, như: FLC, SunGroup, Flamingo, T&T, BRG... đã và đang đầu tư các dự án phát triển du lịch, thương mại trên địa bàn tỉnh. Quy mô kinh tế, năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh

được nâng lên. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư, nâng cấp ngày càng đồng bộ, hoàn thiện.

Các hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao duy trì trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; năm học 2020 - 2021, học sinh của tỉnh Thanh Hóa đã đạt 02 huy chương tại các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và 56 giải (5 giải nhất) tại kỳ thi học sinh giỏi THPT quốc gia, xếp thứ 5 cả nước. An sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng cải thiện. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt kết quả tích cực; phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền có nhiều đổi mới; đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành việc quán triệt, triển khai, thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả; đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong Nhân dân được tăng cường.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự năng động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phối hợp hoạt động trên các lĩnh vực của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, trong đó có vai trò, đóng góp quan trọng của công tác đối ngoại. Quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác đối ngoại, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương triển khai có hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực. Công tác đối ngoại Đảng và hoạt động ngoại giao chính quyền có nhiều đổi mới, duy trì tốt quan hệ hợp tác hữu nghị, truyền thống tốt đẹp với các tỉnh, thành phố nước ngoài có thiết lập quan hệ hợp tác với Thanh Hóa, gồm: Tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào (thiết lập năm 1967); thành phố Seongnam, Hàn Quốc (thiết lập năm 2013); bang Mittelsachsen, CHLB Đức (thiết lập năm 2013); tỉnh Farwaniyah, Cô-Oét (thiết lập năm 2018). Hoạt động ngoại giao kinh tế được triển khai phù hợp với tình hình thực tế, chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh kết nối cơ hội đầu tư kinh doanh với các doanh nghiệp, đối tác nước ngoài thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trực tuyến và trực tiếp, mang lại hiệu quả tích cực. Năm 2021, đã thu hút được 87 dự án đầu tư trực tiếp, trong đó có 08 dự án FDI (chủ yếu từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore...), với tổng vốn đầu tư đăng ký 23.878 tỷ đồng và 112,7 triệu USD; lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 135 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký 14,4 tỷ USD; có 17 chương trình, dự án ODA đang triển khai thực hiện, với tổng mức đầu tư 7.996,4 tỷ đồng. Công tác xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài được thực hiện chủ động, sáng tạo, có hiệu quả, thu hút được 14 chương trình, dự án, phi dự án viện trợ không hoàn



lại do các tổ chức nước ngoài tài trợ, với tổng vốn viện trợ khoảng 1,4 triệu USD; lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 46 chương trình, dự án đang thực hiện. Hoạt động văn hóa, thông tin đối ngoại, ngoại giao Nhân dân được tăng cường, góp phần giới thiệu, quảng bá tiềm năng thế mạnh, hình ảnh của tỉnh Thanh Hóa đến với bạn bè quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đối ngoại của tỉnh Thanh Hóa vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, đó là: Nhiều hoạt động đối ngoại theo Kế hoạch đối ngoại của tỉnh năm 2021 chưa triển khai hoặc phải dừng triển khai do ảnh hưởng của dịch Covid-19; công tác bảo hộ công dân tỉnh Thanh Hóa ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Hoạt động thông tin đối ngoại còn hạn chế; công tác quảng bá tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh đến cộng đồng quốc tế chưa sâu rộng. Hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, nghệ thuật còn hạn chế về số lượng và quy mô. Công tác quản lý xuất nhập cảnh còn một số bất cập; tình trạng vi phạm quy chế biên giới, xuất nhập cảnh trái phép vẫn diễn ra; hoạt động di cư tự do của đồng bào dân tộc Mông ở khu vực biên giới chưa được giải quyết dứt điểm...

Những khó khăn, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do: Tình hình dịch Covid-19 trên thế giới, khu vực và ở trong nước diễn biến phức tạp; các hoạt động giao thông, vận tải quốc tế bị ngưng trệ; một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; chưa xác định được nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Trong thời gian tới, dự báo tình hình quốc tế, trong nước có cả những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động đối ngoại nói riêng. Tình hình dịch Covid-19 có thể kéo dài; triển vọng phục hồi và tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo thấp hơn năm 2021 và không đồng đều giữa các nước và khu vực. Ở trong nước, công tác phòng chống dịch Covid-19 đã đạt được kết quả quan trọng; Chính phủ đã có chủ trương chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, cùng với ban hành các gói kích cầu sẽ tạo thuận lợi cho việc phục hồi và phát triển kinh tế; song vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ suy giảm tăng trưởng kinh tế nếu không kiểm soát được dịch bệnh, duy trì các hoạt động của nền kinh tế và tác động bất lợi của thiên tai, biến đổi khí hậu.

Để triển khai thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, Tỉnh ủy Thanh Hóa tiếp tục bám sát đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác đối ngoại, đặc biệt là những nội dung mới trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Chương trình đối ngoại tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, trong đó tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh về công tác đối ngoại đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân; chú trọng tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của công tác đối ngoại, tạo sự thống nhất, nhằm triển khai thực hiện tốt các định hướng, nhiệm vụ công tác đối ngoại theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy đã đề ra. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các quy chế, quy định quản lý về công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện trong các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

*Thứ hai*, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và đối ngoại nhân dân, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với tỉnh Hòa Phẫn, nước CHDCND Lào; thúc đẩy quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài đã thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh, gồm: Thành phố Seongnam (Hàn Quốc), tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức), tỉnh Farwaniyah (Cô-Oét). Tích cực phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, các bộ, ngành Trung ương để lựa chọn, thiết lập quan hệ hợp tác với các địa phương, đối tác mới có tiềm năng thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ, như: khu vực Đông Bắc Á, Trung Đông, Châu Âu và Bắc Mỹ... Duy trì tốt mối liên hệ, tiến tới xúc tiến, thiết lập quan hệ hợp tác với các địa phương, như: Tỉnh Tula (Liên bang Nga), tỉnh Toyama (Nhật Bản)... Chủ động triển khai linh hoạt, đa dạng các nội dung hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài thông qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến, ghi hình ngoại tuyến...; tăng cường quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đối ngoại của các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đạt kết quả tốt.

Tăng cường công tác ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa, đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các nguồn lực khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng người Thanh Hóa ở nước ngoài để triển khai các hoạt động đối ngoại gắn với xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch. Chủ động đầu mối, đề xuất tham gia các đoàn công tác của Trung ương tại một số địa bàn trọng điểm để xúc tiến, vận động, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư quy mô lớn vào tỉnh; đồng thời, chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức các đoàn công tác của tỉnh sang thăm, làm việc, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại nước ngoài

khi có điều kiện. Tăng cường hợp tác với các cơ quan đại diện, các địa phương, tổ chức, đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh về đất và người Thanh Hóa đến bạn bè trong nước và quốc tế; nghiên cứu đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa lớn của quốc gia mang tầm quốc tế và tham gia các sự kiện văn hóa tại nước ngoài; tăng cường công tác giao lưu văn hóa thông qua các hoạt động trao đổi các Đoàn cán bộ, diễn viên, vận động viên của tỉnh với các địa phương nước ngoài đã thiết lập quan hệ hợp tác với tỉnh.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại Nhân dân nhằm mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài và thu hút tối đa các nguồn lực của nước ngoài đầu tư vào tỉnh; chăm lo thực hiện tốt công tác đối với kiều bào Thanh Hóa ở nước ngoài theo tinh thần Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới, tập trung hỗ trợ kiều bào Thanh Hóa có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, tuân thủ pháp luật và hội nhập thuận lợi vào nước sở tại; đồng thời, vận động kiều bào Thanh Hóa ở nước ngoài hướng về quê hương để tham gia đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, triển khai các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

**Thứ ba**, đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, kịp thời thông tin về tình hình đất nước, của tỉnh và những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh đến với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đổi mới hình thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện; đa dạng hóa các kênh truyền thông kỹ thuật số, phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đa dạng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường hoạt động trao đổi, giới thiệu về tỉnh Thanh Hóa trên kênh thông tin của các cơ quan Trung ương, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài và các hãng thông tấn lớn của quốc tế. Làm tốt công tác phối hợp trong quản lý, hướng dẫn, tạo điều kiện cho phóng viên báo chí nước ngoài vào tác nghiệp tại địa phương.

**Thứ tư**, tăng cường công tác phối hợp quản lý biên giới lãnh thổ, bảo đảm an ninh khu vực biên giới. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng của tỉnh Hòa Phăn (nước CHDCND Lào) trong triển khai thực hiện Nghị định thư về đường biên giới và mốc giới giữa hai quốc gia Việt Nam - Lào và Hiệp định về quy chế quản lý biên giới đất liền và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ hai nước Việt Nam - Lào. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương về quốc phòng, bảo vệ an ninh biên giới, ngăn chặn các trường hợp vượt biên trái phép, buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, trái phép qua đường biên giới; phát hiện và đề xuất phương án xây dựng, khôi phục các mốc quốc giới bị hư hỏng, sạt lở. Tiếp tục triển khai hoạt động tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ chuyên gia và quân tình nguyện Thanh Hóa hy sinh tại tỉnh Hòa Phăn.

**Thứ năm**, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại ở các địa phương, đơn vị trong tỉnh. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Kế thừa và phát huy những thành tích, kết quả đạt được trong những năm qua; bám sát quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về công tác đối ngoại, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa quyết tâm triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp công tác đối ngoại đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị khóa XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, phấn đấu xây dựng Thanh Hóa đến năm 2025 trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước - một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc, đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước./.

## TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI TRONG TÌNH HÌNH MỚI: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ NHIỆM VỤ

*Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế*

Thừa Thiên Huế một trong năm tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có diện tích hơn 5.000 km<sup>2</sup>, dân số gần 1,2 triệu người; có thành phố Huế - Cố đô của Việt Nam, là đô thị loại I, thành phố di sản văn hóa thế giới, thành phố Festival và theo quy hoạch là 1 trong 5 đô thị cấp quốc gia, khu vực và quốc tế; là trung tâm văn hóa, du lịch; trung tâm y tế chuyên sâu; trung tâm khoa học và công nghệ; trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực của miền Trung và cả nước. Thừa Thiên Huế còn là nơi hội tụ đầy đủ các tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhanh hơn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là một cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, là trọng điểm về quốc phòng, an ninh của quốc gia.

Trong những năm qua, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng tỉnh đã nỗ lực, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và đạt được những thành quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Đã kiên trì thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững; kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá, bình quân ước đạt 6,5%/năm (năm 2021 đạt 4,36%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị đạt những kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng, bộ mặt đô thị, nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại. Nhiều công trình, dự án quan trọng về giao thông, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp được tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đề án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 di tích Kinh thành Huế được triển khai quyết liệt. Đã chú trọng phát triển kinh tế gắn bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững và các chính sách an sinh xã hội đạt kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,45%. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên.

Với phương châm triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại, trong những năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại một cách chủ động, đa dạng, có thực chất và hiệu quả trên cơ sở bám sát các yêu cầu đối ngoại trong tình hình mới. Chú trọng thúc đẩy hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chính trang đô thị, bảo tồn, phát huy giá trị di sản... Nổi bật là, tỉnh đã củng cố, phát triển quan hệ với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các đối tác có tiềm năng, thế mạnh thường xuyên quan hệ hợp tác với tỉnh; tăng cường hợp tác với các thành phố, địa phương của Pháp (Grand Poitiers, Vùng Nouvelle-Aquitaine); của Nhật Bản (Gifu, Nara, Kyoto, Yokohama, Takayama, Kyoto.); của Hàn Quốc (Namyangju, Wando,...); của Thái Lan (Ubon Ratchathani,

Bangkok). Đáng chú ý, trên tinh thần quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, mối quan hệ giữa tỉnh Thừa Thiên Huế với các địa phương của nước bạn Lào tiếp tục gắn kết và phát triển trên mọi lĩnh vực. Tỉnh Thừa Thiên Huế thường xuyên trao đổi các đoàn thăm các tỉnh Trung Nam Lào nhằm thắt chặt mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị, tôn trọng và bình đẳng giữa hai bên biên giới. Thực hiện tốt các Hiệp định, Hiệp nghị mà Chính Phủ hai nước đã ký kết và thỏa thuận giữa lãnh đạo hai tỉnh, cùng nhau phối hợp giải quyết các vấn đề nảy sinh trên biên giới, quản lý đường biên, cột mốc, đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững. Đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có quan hệ hợp tác, hữu nghị, kết nghĩa với 45 quốc gia, địa phương, vùng lãnh thổ khác nhau. Đã có 30 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận quốc tế do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết; 42 văn bản thỏa thuận do các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết và 26 văn bản thỏa thuận do các đơn vị trực thuộc cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh ký kết<sup>1</sup>.

Công tác ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế được thúc đẩy mạnh mẽ và có bước chuyển quyết liệt. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị và các Chỉ thị của Chính phủ về hội nhập quốc tế. Đến nay, toàn tỉnh có 112 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.829,77 triệu USD; 20 dự án ODA, 07 dự án do tỉnh làm chủ quản, 12 dự án do các Bộ chuyên ngành làm chủ quản. Đã phê duyệt tiếp nhận 207 khoản viện trợ dự án và phi dự án từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, với tổng vốn cam kết viện trợ 13.198.825 USD<sup>2</sup>.

Các hoạt động ngoại giao văn hóa và ngoại giao chính trị được đẩy mạnh, góp phần nâng cao vị thế của tỉnh trong khu vực và quốc tế. Cùng với việc tăng cường quảng bá thông tin về đất nước, con người và sự phát triển của Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, tỉnh đã tăng cường cung cấp thông tin chính thống, có định hướng về chính sách và những nỗ lực của Việt Nam trong việc phát huy dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền tự do tôn giáo, những thành tựu của đất nước, địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời, tích cực thúc đẩy hợp tác và giao lưu văn hóa, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, văn hóa của vùng đất Cố đô, Thành phố di sản, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, thành phố văn hóa ASEAN. Triển khai các chương trình hợp tác quốc tế và trao đổi văn hóa, tham gia hội thảo, hội nghị về bảo tồn di sản văn hóa. Đặc biệt, sau các kỳ tổ chức thành công Festival Huế, Festival Nghề truyền thống Huế đã trở thành một "thương hiệu" thu hút sự quan tâm của công chúng Việt Nam và quốc tế.

Bên cạnh phát huy giá trị di sản Cố đô Huế, tỉnh cũng rất chú trọng đến công tác phục hồi, tôn tạo, bảo vệ di sản vật thể và cả phi vật thể. Chủ động phối hợp các bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách, hỗ trợ nguồn lực

<sup>1</sup> Số liệu giai đoạn 2016-2021

<sup>2</sup> Số liệu giai đoạn 2016-2021

trong công tác bảo tồn; tích cực mở rộng quan hệ với các tổ chức trong nước và quốc tế trong lĩnh vực di sản, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng tham gia công tác gìn giữ và bảo tồn di sản văn hóa.

Công tác quản lý biên giới, lãnh thổ và biển đảo đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu duy trì môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn trên tuyến biên giới cơ bản ổn định. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài được đặc biệt quan tâm, đạt được nhiều chuyển biến rõ rệt, đem lại nhiều thành công, làm cho người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng gắn bó, hướng về quê hương Thừa Thiên Huế và có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác đối ngoại nhân dân có những chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả trên cả hai lĩnh vực hữu nghị, hợp tác quốc tế và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài. Lực lượng tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân trên địa bàn tỉnh không ngừng được mở rộng, phát triển nhanh về số lượng và nâng cao về chất lượng. Các Hội hữu nghị của tỉnh hoạt động hiệu quả, tạo được mối quan hệ bền vững và ngày càng lớn mạnh như Hội hữu nghị Việt - Lào, Việt - Nga, Việt - Pháp, Việt - Nhật, Việt - Thái, Việt - Đức, Việt - Úc... Thông qua trao đổi, làm việc với các đoàn từ các tổ chức nhân dân, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tỉnh tiếp tục thúc đẩy hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực giáo dục, y tế và phát triển cộng đồng.

Với những kết quả đạt được, đã góp phần khẳng định rằng, Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết 83/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị đã mở ra cơ hội lớn cho tỉnh Thừa Thiên Huế, hướng đến mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hóa Huế với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh.

Đặc biệt, ngày 13/11/2021, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế. Việc thông qua nhóm cơ chế, chính sách đặc thù sẽ giúp Thừa Thiên Huế có điều kiện phát huy tính tự lực, tự cường để tạo ra nguồn lực nhằm thực hiện thành công Nghị quyết 54-NQ/TW. Đồng thời, khẳng định sự quyết tâm của Trung ương trong việc tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho Thừa Thiên Huế phát triển; đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh trong việc nỗ lực tối đa để vượt qua thử thách, khó khăn, chớp lấy cơ hội để đưa toàn tỉnh phát triển đột phá lên tầm cao mới, đáp ứng kỳ vọng của nhân dân và Trung ương.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục vận động, phức tạp và đa chiều hơn với các đặc trưng cơ bản là tốc độ, đổi mới, kết nối, hội nhập và phát triển bền vững. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế

lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Tác động của đại dịch Covid-19 sẽ còn kéo dài, làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới. Do vậy, trong thời gian tới, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng nói chung và nhiệm vụ của công tác đối ngoại nói riêng càng nặng nề hơn với những yêu cầu cao hơn, đòi hỏi tỉnh Thừa Thiên Huế phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, nắm bắt và dự báo đúng tình hình, chủ động trước mọi tình huống, tranh thủ thời cơ và nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã khẳng định: ***“Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”***. Để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng trên, tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tập trung triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các hoạt động đối ngoại với các nội dung trọng tâm sau:

**Một là**, tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển thông qua việc đa dạng hóa, thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị đến kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác; thúc đẩy ngoại giao song phương, đa phương; phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 54-NQ/TW, ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và 4 Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy cụ thể hóa Nghị quyết 54-NQ/TW, tiến tới xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch; giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; khoa học và công nghệ và trung tâm y tế chuyên sâu.

**Hai là**, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả. Cùng cố và phát triển các mối quan hệ hợp tác, hữu nghị có chọn lọc theo hướng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, hiệu quả, tạo ra sự tin cậy lẫn nhau. Cùng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác đặc biệt, toàn diện với



các địa phương Trung, Nam Lào. Tiếp tục duy trì quan hệ truyền thống với một số vùng của Pháp; giữ kết nối và tăng cường hợp tác địa phương của tỉnh với các vùng, địa phương của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và các nước Châu Âu... Nghiên cứu xúc tiến thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới. Thúc đẩy và tăng cường thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo hướng trực tuyến để nâng cao hiệu quả trong công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân trong thời kỳ bình thường mới, đặc biệt là giai đoạn hậu Covid-19, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**Ba là**, triển khai mạnh mẽ, đồng bộ và sáng tạo hơn nữa công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, tích cực nắm bắt các cơ hội to lớn về khoa học công nghệ, giáo dục - đào tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh... Tăng cường quảng bá hình ảnh, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh với các cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các nhà đầu tư nước ngoài. Tranh thủ sự ủng hộ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để thúc đẩy ngoại giao phát triển kinh tế với mục tiêu tăng cường và khai thông cầu nối với các nhà đầu tư tiềm năng.

Tranh thủ sự ủng hộ của Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong cả nước để thu hút hiệu quả các dự án đầu tư trong và ngoài nước. Tập trung thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, công nghiệp của tỉnh và các dự án trọng điểm. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh, các địa phương tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài; xây dựng chiến lược hợp tác, thiết lập quan hệ về kinh tế, gắn kết quan hệ kinh tế với quan hệ chính trị, tạo lợi ích đan xen với các đối tác nhằm đảm bảo các lợi ích kinh tế và an ninh. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị 12-CT/TW, ngày 15/01/2017 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế”*.

**Bốn là**, đẩy mạnh triển khai Chiến lược ngoại giao văn hóa, Chiến lược thông tin tuyên truyền đối ngoại giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chú trọng đến các hoạt động ngoại giao văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Huế. Thông qua nhiều kênh thông tin để quảng bá, tuyên truyền về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, những thành tựu của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của tỉnh; tiềm năng, thế mạnh, truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Thừa Thiên Huế đến bạn bè quốc tế. Duy trì thường xuyên và tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong việc chỉ đạo và thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại.

**Năm là**, tăng cường chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, địa phương trong tỉnh duy trì thực hiện tốt Kế hoạch triển khai Chỉ thị 36/CT-TTg, ngày 13/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định thư về *“Đường biên giới và mốc quốc giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào”* và *“Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước”*

*CHDCND Lào*”; Nghị quyết 26/NQ-CP, ngày 05/3/2020 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “*Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”.

Tăng cường kiểm soát, quản lý và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên tuyến biên giới thuộc địa bàn tỉnh quản lý. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương mới của Chính phủ về đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới, từng bước thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

**Sáu là**, xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch công tác về người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2022 - 2026 nhằm thực hiện tốt Kết luận 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới. Không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ, vận động cộng đồng người Thừa Thiên Huế ở nước ngoài hướng về quê hương, tích cực tham gia đóng góp xây dựng quê hương Thừa Thiên Huế xanh, sạch, đẹp, phát triển bền vững. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động đối ngoại tại địa phương, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định 272-QĐ/TW, ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị; Quyết định 132-QĐ/TU, ngày 01/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế, Chỉ thị 38-CT/TW, ngày 21/7/2014 và Kết luận 33-KL/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đối ngoại theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của pháp luật; kết hợp chặt chẽ giữa công tác đối ngoại với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng và an ninh. Tăng cường thực hiện có hiệu quả công tác lãnh sự, bảo hộ công dân.

**Bảy là**, tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan ngoại vụ địa phương theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại vụ, đặc biệt là công tác ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư, chú trọng kỹ năng và trình độ ngoại ngữ; bổ sung các cơ chế, nguồn lực phục vụ hiệu quả công tác ngoại vụ và hợp tác quốc tế trong giai đoạn mới; có cơ chế, chính sách đãi ngộ thích đáng đối với đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại vụ địa phương nhằm bảo đảm giữ chân cán bộ, đồng thời giúp thu hút được nguồn nhân lực có năng lực, trình độ.

Với những thành quả đã đạt được, phát huy tinh thần “*chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả*”, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Thừa Thiên Huế tin tưởng rằng, tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ có những bước tăng tốc và bứt phá mới, vững bước trên con đường hội nhập và phát triển, sớm xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh theo Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII).

# VĨNH PHÚC TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII: CƠ HỘI THÁCH THỨC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

Tỉnh Vĩnh Phúc

*Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được những kết quả quan trọng trong công tác đối ngoại góp phần ngày càng mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với địa phương của các nước trên thế giới; tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh của tỉnh đến với bạn bè trên thế giới. Trong bối cảnh mới, tỉnh tiếp tục phát huy những kết quả đạt được để tận dụng được những cơ hội trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam.*

## **Vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối đối ngoại của Đảng**

Trong những năm qua, cùng với các địa phương khác trong cả nước, tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt là những khó khăn do tác động của dịch Covid-19, gây ảnh hưởng đến sản xuất, lưu thông hàng hóa, cung ứng sản phẩm và toàn bộ đời sống người dân. Trước tình hình đó, Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã quyết liệt thực hiện nhiều biện pháp vừa ứng phó với đại dịch vừa tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các lĩnh vực khác như văn hóa, xã hội, đối ngoại tiếp tục phát triển. Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tỉnh Vĩnh Phúc đã kiểm soát tốt dịch bệnh, thực hiện thành công “mục tiêu kép”, kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá bất chấp những tác động nặng nề của dịch bệnh, các lĩnh vực văn hóa xã hội được duy trì, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Những kết quả đạt được đó là dấu ấn quan trọng, tạo động lực mới, khí thế mới cho tỉnh Vĩnh Phúc hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu của những năm tiếp theo và cả nhiệm kỳ. Trong thành tích chung đó của toàn tỉnh, có sự nỗ lực và đóng góp tích cực của công tác đối ngoại. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đưa ra và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 trong đó xác định công tác đối ngoại đóng vai trò quan trọng thu hút nguồn lực, tiếp thu khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, liên doanh liên kết quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát huy tiềm năng lợi thế phát triển của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, huy động tối đa các nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn linh hoạt, chủ động, tìm những hướng đi mới để linh hoạt ứng phó với những tác động của dịch bệnh Covid-19, đảm bảo hoạt động

đôi ngoài được tiếp tục duy trì và phát triển trên cả ba trụ cột: ngoại giao kinh tế, ngoại giao chính trị và ngoại giao văn hóa, giao lưu nhân dân.

Để phát huy hiệu quả hoạt động đối ngoại trong tình hình mới, tỉnh Vĩnh Phúc đã lãnh đạo, chỉ đạo ban hành văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước như Quy chế thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030...Đồng thời, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng tới các cấp các ngành, và địa phương trong tỉnh nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và chuyển biến trong hành động tạo động lực mạnh mẽ để đẩy mạnh công tác đối ngoại của tỉnh Vĩnh Phúc. Nhờ đó, công tác đối ngoại của tỉnh Vĩnh Phúc ngày càng phát triển góp phần quảng bá hình ảnh Vĩnh Phúc năng động, sáng tạo đến với bạn bè quốc tế.

Trong công tác ngoại giao kinh tế, tỉnh đã linh hoạt chuyển đổi phương thức xúc tiến đầu tư, cách tiếp cận, tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh, môi trường đầu tư thông qua các hội nghị, diễn đàn do Bộ Ngoại giao và các cơ quan Trung ương tổ chức. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú trọng công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ; duy trì thường xuyên chương trình “Lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc gặp gỡ với doanh nhân hằng tuần”; kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, lắng nghe ý kiến tham vấn, đề xuất của doanh nghiệp về những cơ chế chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư...Năm 2021, thu hút đầu tư của tỉnh đạt được những kết quả rất tích cực, dự kiến thu hút được 50 dự án mới, trong đó có 35 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 880 triệu USD và 135 triệu USD điều chỉnh tăng vốn, bằng 253,75% kế hoạch, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2020.

Về ngoại giao chính trị, mặc dù nhiều chuyến thăm hữu nghị không thực hiện được do dịch bệnh Covid-19, nhưng tỉnh Vĩnh Phúc vẫn duy trì kết nối với các đối tác truyền thống của tỉnh là 10 địa phương Bắc Lào, tỉnh Chungcheongbuk-Hàn Quốc, tỉnh Akita-Nhật Bản thông qua các hình thức thư thăm hỏi, trao đổi trực tuyến, hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19. Với tinh thần chia ngọt sẻ bùi, tỉnh Vĩnh Phúc đã hỗ trợ trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 cho ba tỉnh Bắc Lào gồm tỉnh Luông-nậm-thà, Luông-pha-băng và U-đôm-xay. Đồng thời, tỉnh Vĩnh Phúc cũng nhận được hỗ trợ từ các tỉnh bạn. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác khác trên lĩnh vực giáo dục, trao đổi cán bộ, phát triển kinh tế vẫn được duy trì và phát triển. Mới đây, tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác với tỉnh Tochigi-Nhật Bản, mở ra tiềm năng, cơ hội mở rộng hợp tác quốc tế mới cho tỉnh.

Công tác ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh của tỉnh tiếp tục được triển khai mạnh mẽ trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và Trung ương, góp phần giới thiệu hình ảnh đổi mới, năng động, giàu bản sắc văn hóa của tỉnh đến đông đảo bạn bè quốc tế.

Mặc dù đạt được các kết quả quan trọng, góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tuy nhiên công tác đối ngoại nói chung của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập như: Chưa khai thác tối đa tiềm năng mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các tỉnh đã thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị; chưa mở rộng hợp tác được thêm nhiều địa phương, đối tác có tiềm năng, có điều kiện phát triển của các nước lớn, các nước có quan hệ hợp tác chiến lược với Việt Nam. Hoạt động kinh tế đối ngoại chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Chưa thu hút đầu tư được nhiều từ các Tập đoàn lớn, Tập đoàn đa quốc gia, các nước có thế mạnh về vốn, công nghệ như Mỹ, một số quốc gia thuộc EU, Bắc phi và Trung Đông. Dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực dịch vụ, du lịch và các dự án nông, lâm nghiệp còn ít. Hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch còn hạn chế. Công tác dự báo, nghiên cứu về xúc tiến đầu tư gặp nhiều khó khăn. Hoạt động đối ngoại nhân dân chưa đi vào chiều sâu, thực chất. Chưa thu hút vận động được nhiều sự đóng góp tích cực của kiều bào vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

### **Cơ hội mới, thách thức mới**

Đứng trước những vận hội mới khi quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra ngày càng sâu rộng, liên kết kinh tế quốc tế ngày càng được tăng cường, mở ra nhiều cơ hội cho Vĩnh Phúc để tăng cường các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế địa phương. Thông qua đây mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, Vĩnh Phúc có cơ hội tiếp thu công nghệ, khoa học tiên tiến để phát triển các ngành nghề công nghiệp, nông nghiệp có hàm lượng công nghệ cao; tận dụng các lợi ích do các FTA mang lại nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; mở rộng và khai thác hiệu quả các hoạt động hợp tác hữu nghị, ngoại giao kinh tế khi vị thế, hình ảnh của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Bên cạnh những cơ hội cũng đặt ra cho công tác đối ngoại của tỉnh những thách thức trong quá trình triển khai đường lối đối ngoại của Đảng và nhà nước, mở rộng hợp tác quốc tế trong thời gian tới. Tình hình thế giới biến đổi khó lường gây khó khăn cho công tác dự báo, xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế. Các xung đột giữa các nước lớn phần nào ảnh hưởng đến các hoạt động ngoại giao kinh tế, hợp tác quốc tế của địa phương. Việc Việt Nam tham gia sâu rộng vào các thể chế kinh tế đa phương cũng tạo ra thách thức đối với việc nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế địa phương, năng lực nội tại của các doanh nghiệp của tỉnh, phát triển các ngành nghề, sản phẩm đặc trưng của tỉnh. Bên cạnh đó, một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự chủ động, tích cực, sẵn sàng cho công tác hội nhập quốc tế, chưa chủ động xây dựng kế hoạch hội nhập quốc tế cho ngành, lĩnh vực của mình, thiếu sự đồng bộ, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai các hoạt động đối ngoại. Lực lượng làm công tác đối ngoại còn mỏng, chưa được thường xuyên bồi dưỡng, rèn luyện các kỹ năng để đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của tiến trình hội nhập quốc tế.

### **Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới**

Trước những thách thức và những hạn chế nội tại trong công tác đối đối ngoại của tỉnh, để thực hiện thành công đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước tại Đại hội Đảng lần thứ XIII và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, tỉnh Vĩnh Phúc sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

**Một là,** tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về công tác đối ngoại. Thường xuyên tổ chức quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác đối ngoại, đặc biệt là quán triệt các cấp, các ngành nhận thức sâu sắc việc tăng cường, mở rộng các hoạt động đối ngoại, giai đoạn 2021-2025 là "một nhiệm vụ ưu tiên chiến lược" trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh.

**Hai là,** Duy trì và mở rộng quan hệ hữu nghị với các địa phương, đối tác quốc tế trên thế giới. Tiếp tục duy trì mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các địa phương của nước CHDCND Lào; Đẩy mạnh quan hệ hợp tác hữu nghị với Chungcheongbuk (Hàn Quốc), Akita, Tochigi (Nhật Bản) đi vào thực chất có chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực. Mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương tiềm năng và ở nước có quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, như một số địa phương của Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Đức, Trung Quốc, Pháp, Ý, Nga, Mỹ, Séc...; tăng cường kết nối các tổ chức quốc tế, tập đoàn kinh tế, định chế tài chính lớn trong khu vực và trên thế giới, Đại sứ quán các nước tại Việt Nam

**Ba là,** đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Tăng cường kết nối với các quốc gia phát triển, đối tác kinh tế quan trọng thông qua các Hội nghị xúc tiến đầu tư, chủ động tham gia các diễn đàn, hội nghị dành cho các địa phương trong khu vực và trên thế giới, tham gia các hoạt động quảng bá địa phương của Bộ Ngoại giao tổ chức ở nước ngoài.

Đẩy mạnh các hoạt động thu hút và xúc tiến đầu tư nước ngoài. Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài cả về nội dung và phương thức thực hiện Xúc tiến đầu tư; nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư. Xác định địa bàn trọng tâm, trọng điểm để tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, duy trì thông tin với nhà đầu tư hiện tại để khuyến khích doanh nghiệp FDI đầu tư theo chiều sâu, cải tiến công nghệ và mở rộng quy mô sản xuất; tăng cường đối thoại, giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo niềm tin của nhà đầu tư và môi trường đầu tư của tỉnh. Đồng thời, Đẩy mạnh hợp tác xúc tiến thương mại, nâng cao giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác xúc tiến du lịch ở thị trường nước ngoài tiềm năng. Tích cực vận động nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức, viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

**Bốn là,** Đẩy mạnh giao lưu văn hóa đối ngoại và triển khai có hiệu quả thông tin đối ngoại để quảng bá hình ảnh của tỉnh tới cộng đồng quốc tế. Phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của tỉnh trong hội nhập và hợp tác quốc tế Tăng cường thông tin, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người, truyền thống lịch sử, văn hóa, tiềm năng thế mạnh của Việt Nam nói chung, của Vĩnh Phúc nói riêng đến với bạn bè trong và ngoài nước thông

qua các hoạt động, các sự kiện, hội nghị giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể thao, hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư, các hội chợ, triển lãm; phát hành các ấn phẩm sách, tài liệu tuyên truyền...

**Năm là,** tổ chức xây dựng bộ máy và nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác đối ngoại. Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối làm công tác đối ngoại của tỉnh theo hướng xây dựng vị trí việc làm; Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác đối ngoại theo hướng chuyên nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc tốt.

**Sáu là,** Phát huy sức mạnh đối ngoại nhân dân trong hỗ trợ đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước. củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị với nhân dân các địa phương, các tổ chức, mặt trận nhân dân của các nước. Tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng kiều bào ở nước ngoài về thu hút vốn đầu tư, chuyển giao khoa học, công nghệ, nhân lực chất lượng cao đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Trong thời gian tới dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, song với sự nỗ lực của toàn bộ hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cùng với sự hướng dẫn, hỗ trợ của Ban đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, tin tưởng rằng, công tác đối ngoại của Vĩnh Phúc thời gian tới sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ hơn, toàn diện hơn nữa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII.

## NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ

*Nguyễn Mạnh Cầm*  
Nguyên ủy viên Bộ Chính trị,  
Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Mùa thu năm 1945 đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc. Việt nam là nước đầu tiên trong thế giới các nước thuộc địa thực hiện thành công cuộc Cách mạng giải phóng dân tộc. Ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, một vũ khí sắc bén và đanh thép về pháp lý quốc tế, một thông điệp ngoại giao mạnh mẽ gửi tới cộng đồng quốc tế: nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời !

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng tự cải tổ thành Chính phủ, trong đó có Bộ Ngoại giao mà Bác Hồ kiêm chức Bộ trưởng.

Lúc này, Chính quyền non trẻ mới được thành lập đối mặt với muôn vàn khó khăn, thách thức : lực lượng vũ trang còn nhỏ bé và trang bị thô sơ, kinh tế đã đình đốn lâu ngày, thiên tai dồn dập, đời sống nhân dân khó khăn, ... Song, thách thức lớn nhất là sự hiện diện của quân đội nước ngoài trên đất nước ta. Theo quyết định của Hội nghị Potsdam, 20 vạn quân Tưởng đã vào miền Bắc nước ta (từ vĩ tuyến 16 trở ra) và quân Anh phải vào miền Nam để giải giáp quân Nhật nhưng đã thỏa thuận nhường việc giải giáp cho quân Pháp. Lợi dụng việc này, ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã gây hấn ở Sài gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trong bối cảnh đó, Đảng và Chính phủ đã kêu gọi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết quyết tâm bảo vệ Cách mạng và ra sức phấn đấu xây dựng một nước Việt nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh. Đó chính là nhiệm vụ cơ bản của Cách mạng, phản ánh lợi ích thiết thân của dân tộc và phù hợp với sự phát triển của thời đại. Mọi người, mọi ngành phải căn cứ trên nhiệm vụ cơ bản này mà hành động.

Trên cương vị Bộ trưởng Ngoại giao, Bác Hồ đã triển khai nhiều hoạt động ngoại giao quan trọng.

Đầu tiên, Bác đã gửi công hàm cho các vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các nước lớn như Liên xô, Trung quốc, Mỹ, Anh và cho Liên hợp quốc để thông báo về sự ra đời của nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định tính hợp pháp của Nhà nước ta và tố cáo thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược Đông dương.

Dự báo trước được việc thực dân Pháp sẽ từ miền Nam kéo quân ra Bắc, Bác Hồ đã quyết định ký với Pháp một Hiệp định sơ bộ về những việc mà hai bên phải



làm. Trong quá trình chuẩn bị ký Hiệp định này, Bác được biết Tưởng Giới Thạch đã thỏa thuận với Pháp về việc quân Pháp sẽ thay quân Tưởng thực hiện giải giáp quân Nhật ở miền Bắc. Để thỏa hiệp với quân Tưởng, vào ngày ký Hiệp định (mùng 6 tháng 3 năm 1946), Bác đã cho mời đại diện của Tưởng tham dự và chuyển từ Hiệp định Việt – Pháp thành Hiệp định ba bên. Ký được Hiệp định, ta đã dành được thời gian xây dựng và củng cố lực lượng. Sau khi Hiệp định được ký kết, Chính phủ ta đã khéo léo vận dụng điều khoản thay quân của Hiệp định Hoa-Pháp để đẩy quân Tưởng về nước, loại trừ bớt một kẻ thù vô cùng nguy hiểm của Cách mạng nước ta. Khi quân Tưởng rời Việt nam thì bọn tay sai Việt quốc, Việt cách cũng chạy theo, ta loại bỏ được những lực lượng chống phá thường gây ra nhiều vấn đề phức tạp.

Cuối tháng 5 năm 1946, Hồ Chủ tịch lên đường sang Pháp với tư cách thượng khách của Chính phủ Pháp. Trên đường đi, Bác đã tranh thủ thăm một số nước và tiếp xúc với lãnh đạo các nước đó. Tại Pháp Bác cũng sắp xếp chương trình tiếp xúc với một số quan chức, nhân sỹ và gặp gỡ các tầng lớp nhân dân. Qua các cuộc thăm viếng, tiếp xúc, gặp gỡ này ngày càng nhiều nước và nhiều người biết đến việc Việt nam đã dành được và đang chiến đấu để bảo vệ nền độc lập non trẻ. Đã có không ít người trong số đó tuyên truyền và vận động ủng hộ Việt nam. Do đó, lực lượng quốc tế đoàn kết và ủng hộ Cách mạng Việt nam ngày càng tăng mạnh.

Chuyến thăm và làm việc tại Pháp đã là hoạt động ngoại giao quan trọng nhất của nước ta trong giai đoạn 1945-1946.

Tháng 7 năm 1946, đoàn đại biểu Chính phủ Việt nam đã sang Pháp tiến hành cuộc đàm phán chính thức Việt-Pháp từ ngày mùng 6 tháng 7 đến ngày 12 tháng 9 năm 1946 tại lâu đài Fontainebleau. Các thế lực phản động Pháp được Mỹ hậu thuẫn đã tỏ ra rất ngoan cố. Chúng trắng trợn xóa bỏ Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3, không chịu chấp nhận bất cứ vấn đề gì đã được đề ra. Thực dân Pháp ngoan cố là do còn ảo tưởng có thể đè bẹp cuộc chiến đấu của nhân dân ta bằng vũ lực để thống trị Việt nam một lần nữa. Do đó, đàm phán đã không đi đến kết quả.

Để thể hiện thiện chí của Chính phủ ta, Bác Hồ đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946, trong đó có nhượng bộ Pháp một số vấn đề.

Việc ký kết với Pháp Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 và Tạm ước 14 tháng 9 là đỉnh cao của nghệ thuật ngoại giao của Bác Hồ về nhân nhượng có nguyên tắc.

Nhưng, với bản chất xâm lược và hiếu chiến, ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, tiếp tục gây xung đột và từng bước mở rộng chiến tranh. Trước vận mệnh dân tộc bị đe dọa, đêm ngày 19 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, phát huy truyền thống chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc, một lần nữa toàn thể nhân dân Việt nam đã đứng lên với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Nhiệm vụ của hoạt động ngoại giao lúc này nhằm : đối nội góp phần xây dựng thực lực; đối ngoại tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ đối với cuộc kháng chiến vì độc lập, tự do, thống nhất của dân tộc ta của các lực lượng dân chủ, yêu hòa bình, chống đế quốc. Bác Hồ đã đưa ra chủ trương đối ngoại : “Làm bạn với mọi nước dân chủ, không gây thù oán với một ai”. Chủ trương này đã trở thành “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt tiến trình hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta.

Đến năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã qua giai đoạn cầm cự, đang chuẩn bị để thực hiện phản công. Lúc này, trên thế giới, nhất là ở Châu Á, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ; cách mạng Trung quốc đã giành được thắng lợi ; phe xã hội chủ nghĩa được mở rộng và củng cố. Các diễn biến tích cực của tình hình thế giới, cũng với những thắng lợi ta giành được trên chiến trường, đã tạo những điều kiện thuận lợi để ta tiến hành và giành thắng lợi trong chiến dịch Biên giới. Toàn bộ dải biên giới phía Bắc được giải phóng đã tạo điều kiện cho nước ta mở rộng quan hệ quốc tế, đặc biệt là xây dựng liên minh với Liên xô, Trung quốc và các nước xã hội chủ nghĩa ; xây dựng liên minh chiến đấu Việt-Miên-Lào ; mở rộng quan hệ với các nước dân chủ, nhân dân. Ta đã đứng hẳn về phe dân chủ, nhập vào khối 800 triệu nhân dân thế giới chống đế quốc. Giải phóng biên giới cũng mở ra cho ta điều kiện thông thương với các nước, đặc biệt quan trọng là ta nhận được viện trợ của Liên xô và Trung quốc nên lực của ta được nhanh chóng tăng cường giúp ta giành thêm nhiều thắng lợi trên chiến trường và thế của ta cũng mạnh lên.

Về phía quân Pháp, càng tiến hành chiến tranh xâm lược phi nghĩa ở Việt nam, càng bị thất bại nặng nề, hao người tốn của, càng bị lệ thuộc vào Mỹ, nội bộ càng phân hóa và nhân dân Pháp càng đấu tranh mạnh mẽ đòi chấm dứt chiến tranh và đàm phán với Chính phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa.

Đứng trước thất bại không thể cứu vãn được trên chiến trường và sức ép của dư luận thế giới cũng như trong nước, Chính phủ Pháp buộc phải chấp nhận yêu cầu của Việt nam là đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông dương. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố lập trường của Việt nam : “Nếu Chính phủ Pháp muốn đi đến đình chiến ở Việt nam bằng cách thương lượng và muốn giải quyết vấn đề Việt nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa cũng sẵn sàng nói chuyện”.

Ngày 8 tháng 5 năm 1954, Hội nghị bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông dương đã khai mạc ở Giơ-ne-vơ. Trải qua 75 ngày với 31 phiên họp - trong đó có 7 phiên họp toàn thể, 24 phiên họp cấp trưởng đoàn - ngày 21 tháng 7 năm 1954 Hiệp định đã được ký kết. Hiệp định đã công nhận và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt nam, Lào và Campuchia là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ mới chỉ là kết thúc một chặng đường của cuộc kháng chiến gian khổ, trường kỳ của nhân dân Việt nam để đi tới độc lập, tự

do. Hiệp định đã tạo cơ sở pháp lý cho nhân dân ta tiếp tục chiến đấu trong 21 năm nữa để thống nhất đất nước.

Hiệp định Giơ-ne-vơ đã đem lại hòa bình và độc lập ở Miền Bắc, nhưng Miền Nam vẫn còn nằm dưới ách thống trị của Mỹ ngụy. Từ đó, với việc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược “xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và đấu tranh giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước”, ngành ngoại giao Việt nam bước vào giai đoạn phát triển mới với những hoạt động rất sôi động, phong phú và khẩn trương.

Trong những năm 1955-1960 đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài gòn ra sức chống phá Hiệp định Giơ-ne-vơ nên nhiệm vụ hàng đầu của ngành ngoại giao là vạch trần âm mưu và tố cáo các hành động phá hoại Hiệp định của chúng ; ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế và vận động viện trợ kinh tế, khoa học kỹ thuật của các nước để hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển đất nước.

Giữa cao trào Đồng khởi khắp Miền Nam, ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt nam ra đời. Kể từ đó, ngoại giao của Việt nam Dân chủ Cộng hòa phối hợp với ngoại giao của Mặt trận (sau này là ngoại giao của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt nam) đẩy mạnh hoạt động quốc tế lên án đế quốc Mỹ xâm lược, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với Mặt trận.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 (khóa III), tháng 11 năm 1963, đã ra Nghị quyết hướng mọi hoạt động quốc tế vào việc kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Ngành ngoại giao đã có đóng góp quan trọng vào việc thực hiện đường lối đó. Từ chỗ chủ yếu phản ánh tình hình và thắng lợi của mặt trận quân sự trên chiến trường, ngành ngoại giao đã chuyển sang chủ động đề xuất chủ trương và tiến hành các hoạt động trực tiếp đóng góp vào thắng lợi chung, đồng thời tạo các điều kiện thuận lợi cho hoạt động của mặt trận chính trị và mặt trận quân sự.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (khóa III), tháng 1 năm 1967, đã đánh giá cao vai trò của ngành ngoại giao và ra quyết định ngoại giao là một mặt trận quan trọng.

Trong khi đó, Mỹ vừa leo thang chiến tranh vừa đòi đàm phán không điều kiện. Giữa lúc chiến tranh đang trong giai đoạn quyết liệt nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho 70 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ khẳng định : “nếu Chính phủ Mỹ muốn thực sự hòa bình thì họ phải chấp nhận lập truwongf 4 điểm của Chính phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa”.

Sau chiến dịch Tết Mậu thân, phát huy thắng lợi, ngành ngoại giao đã mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm” nhằm đánh bại một bước ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Sau chiến thắng xuân hè 1972, so sánh lực lượng trên chiến trường đã có lợi cho ta. Tổng thống Mỹ Nixon gặp nhiều khó khăn trên thế giới và ngay trong nước Mỹ. Trong bối cảnh đó, Trung ương Đảng đã có chủ trương chuyển hướng chiến lược, tranh thủ giải pháp hòa bình trong năm 1972 để đưa việc giải quyết cuộc chiến tranh sang một phương thức mới. Đến tháng 10 năm 1972, các bên đã đạt được thỏa thuận nội dung Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đó là kết quả của những cuộc thảo luận sâu sắc, sự phân tích, so sánh, cân nhắc, kết hợp đề xuất của tất cả các bên tham gia đàm phán, trong đó có Dự thảo Hiệp định của đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trao cho đoàn Mỹ trước đó. Đáng lẽ khi đó Hội nghị 4 bên đã có thể quyết định ngày ký Hiệp định, nhưng do Nguyễn Văn Thiệu phản đối nên Kissinger phải bay vào Sài Gòn để thuyết phục. Trong cuộc gặp tại Sài Gòn, Thiệu với thái độ hết sức ngoan cố, đã phản đối từng điểm cơ bản của Hiệp định và phớt lờ mọi lời giải thích của Kissinger.

Nhằm gây sức ép với ta, Mỹ đột ngột đem không quân tập kích Miền Bắc, cao trào là đem B52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác. Ta phản ứng quyết liệt, đòi Mỹ chấm dứt ném bom và trở lại bàn đàm phán. Cuộc tập kích bằng đường không diễn ra rất ác liệt, nhưng cuối cùng đã thất bại hoàn toàn. Sau trận “Điện Biên phủ trên không” đã Mỹ phải ngừng ném bom. Ngành ngoại giao lại tiếp tục đấu tranh đòi Mỹ phải ra tuyên bố công khai việc chính thức chấm dứt ném bom và bắn phá Miền Bắc và cam kết sẽ không lặp lại những hành động đó một lần nữa và Mỹ đã phải chấp nhận. Ngày 8 tháng 1 năm 1973 Mỹ buộc phải trở lại bàn đàm phán ở Paris.

Sau khi đàm phán nhóm họp trở lại, phía Mỹ một lần nữa đưa ra yêu sách đòi ta phải rút quân khỏi Miền Nam, nhưng trước sự đấu tranh quyết liệt của ta Mỹ đã phải rút lại yêu cầu này. Cuối cùng, ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định đã được ký kết.

Sau ngày Hiệp định Paris được ký kết (27-1-1973), Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam, nhưng với bản chất ngoan cố, Mỹ tiếp tục theo đuổi mục tiêu Việt Nam hoá chiến tranh, duy trì một lực lượng hải quân và không quân ở Vịnh Bắc Bộ, Thái Lan và Guam, để lại ở miền Nam “những người lính không mặc quân phục” cùng các nhân viên dân sự; chuyển giao các căn cứ quân sự Mỹ cho chính quyền Sài Gòn cùng với viện trợ khẩn cấp một lượng vật chất khổng lồ để kéo dài chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, ngăn trở con đường độc lập, tự do của nhân dân ta. Do vẫn còn duy trì được chính quyền Sài Gòn, nên Mỹ vẫn theo đuổi chính sách thực dân mới, nhằm thực hiện âm mưu cơ bản và lâu dài là xoá bỏ sự tồn tại của chính quyền và quân đội cách mạng, chia cắt lâu dài nước Việt Nam. Dư luận phương Tây ồn ào về một cuộc “nội chiến” giữa những người Việt Nam với nhau. Trong khi đó chính quyền Sài Gòn tiếp tục phá hoại việc thực hiện Hiệp định, đẩy mạnh lấn chiếm vùng giải phóng, mở chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, âm mưu xoá “thế da báo”.

Thời kỳ này ngành ngoại giao tập trung vào nhiệm vụ chính là : làm rõ trước dư luận quốc tế việc Mỹ tiếp tục chính sách thực dân mới ở miền Nam ; giương cao ngọn cờ hòa bình ; nâng cao vị trí, vai trò của Việt nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam trên trường quốc tế ; tăng cường giá trị pháp lý của Hiệp định Pari, lên án việc phá hoại Hiệp định và đấu tranh thực hiện Hiệp định, tập trung trên những vấn đề cấp bách là : đấu tranh buộc Mỹ rút hết quân ; đòi chính quyền Sài Gòn thực hiện ngừng bắn, trao trả tù binh và tù chính trị, thực hiện tự do dân chủ ; đòi Mỹ chấm dứt dính líu quân sự, ngừng viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn ; tranh thủ và duy trì sự đồng tình ủng hộ, hộ ủng hộ mạnh mẽ đối với Việt Nam như trước của nhân dân thế giới ; phối hợp với cuộc đấu tranh của nhân dân Lào và Campuchia, ủng hộ Lào ký hiệp định và nghị định thư có lợi cho bạn, tích cực chỉ viện Campuchia đấu tranh vũ trang chống Mỹ và chính quyền do Mỹ dựng ra ở Phnôm Pênh.

Trong cục diện “vừa đánh vừa đàm”, ngành ngoại giao đã tiến hành triển khai nhiều hoạt động lớn đấu tranh trên mọi diễn đàn trong nước và quốc tế. Từ ngày 26 tháng 2 đến 2 tháng 3 năm 1973 ta đã cùng với Mỹ đồng chủ trì Hội nghị quốc tế về Việt Nam ở Paris. Tại Hội nghị này 12 nước và bên tham gia đã ký định ước xác nhận và cam kết tôn trọng các văn bản của Hiệp định Paris. Ta đã sử dụng cơ chế Ban liên hợp quân sự 4 bên và 2 bên ở Sài Gòn, Diễn đàn hai bên miền Nam Việt nam họp ở Pari, Diễn đàn Việt nam DCCH – Mỹ để tấn công đối phương và tranh thủ sự ủng hộ của dư luận. Ngày 16-4-1973 Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi Công hàm tới Bộ Ngoại giao các nước ký Định ước Pari về Việt Nam và Tổng Thư ký Liên hiệp quốc Cuộcvanhem nêu ba vấn đề cấp bách là: ngừng bắn, thực hiện các quyền tự do dân chủ và thả tù chính trị ở miền Nam. Tháng 1-1974, Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố sách Trắng “Một năm thi hành Hiệp định Pari”, tố cáo việc Mỹ và chính quyền Sài Gòn phá hoại có hệ thống Hiệp định, nêu cao thiện chí và quyết tâm của nhân dân Việt Nam, làm rõ trước dư luận thế giới tình hình thực tế ở Việt Nam sau Hiệp định Pari do chính sách can thiệp của Mỹ và âm mưu kéo dài chiến tranh, phá hoại Hiệp định của chính quyền Sài Gòn.

Các hoạt động đó của ngành ngoại giao đã nêu cao tính chất chính nghĩa và thiện chí hoà bình của nhân dân Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và đoàn kết quốc tế. Cả thế giới đều thấy rõ Mỹ và chính quyền Sài Gòn là kẻ phá hoại Hiệp định Pari, là sức cản trở chủ yếu cho việc thực hiện hòa bình và hoà hợp dân tộc ở Việt Nam. Từ tháng 1-1973 đến tháng 4-1975, có thêm 27 nước công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về mặt ngoại giao. Các nước xã hội chủ nghĩa bày tỏ sẵn sàng giúp đỡ xây dựng lại miền Bắc Việt Nam. Nhiều nước xoá nợ cho Việt Nam và coi viện trợ của họ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam là viện trợ không hoàn lại. Hội nghị ngoại trưởng các nước Phong trào Không liên kết lên tiếng đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải ngừng những hành động chiến tranh, thi hành

thoả thuận ngừng bắn. Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam họp tại Xtóckhôm năm 1974 đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản của Hiệp định Pari. Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đấu tranh thi hành Hiệp định Pari được hình thành và phát triển.

Sau 18 tháng đấu tranh thi hành Hiệp định Pari, bản chất hiếu chiến của chế độ chính trị Sài Gòn với nhãn hiệu “quốc gia” ngày càng lộ rõ. Khả năng thi hành Hiệp định Pari không còn nữa. Phải xoá bỏ chế độ tay sai của đế quốc Mỹ ở miền Nam là tất yếu. Ngành ngoại giao nhận thấy đã đến lúc phải chấm dứt cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. Ngày 22 tháng 6 năm 1974, đoàn Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và tiếp sau đó ngày 23 tháng 6 năm 1974, đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuyên bố đình chỉ không thời hạn việc tham dự hội nghị các Ban Liên hợp Quân sự hai bên và Tổ Liên hợp Quân sự bốn bên. Diễn đàn hai bên miền Nam Việt Nam ở Pari, sau một thời gian đấu tranh gay gắt, từ tháng 6-1974 đã ngừng trệ. Tại diễn đàn hai bên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ở Pari, ngày 25-8-1974, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi cho Mỹ một bức thông điệp cuối cùng phê phán Mỹ không có thiện chí, gây trở ngại và có ý đồ phá hoại Hiệp định Pari. Đàm phán tại diễn đàn này cũng chấm dứt. Ngày 8-10-1974 Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về tình hình miền Nam Việt Nam, nêu hai vấn đề cấp bách mới: Hoa Kỳ chấm dứt hoàn toàn và triệt để mọi dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam ; Nguyễn Văn Thiệu và phe cánh là trở ngại chính cho việc giải quyết các vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam, cần thành lập ở Sài Gòn một chính quyền không có Thiệu, tán thành hòa bình, hoà hợp dân tộc, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari về Việt Nam.

Từ đầu năm 1974, so sánh lực lượng đã có lợi cho Cách mạng miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị (30/9-8/10/1974) nhận định "đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam" và đã thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Bộ Chính trị giao cho mặt trận ngoại giao nhiệm vụ: “Sử dụng khôn khéo vũ khí đấu tranh ngoại giao, góp phần giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hòa hợp dân tộc nhằm cô lập bọn tay sai ngoan cố, làm sáng tỏ chính nghĩa, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới; ngăn chặn âm mưu và thủ đoạn can thiệp, phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế”. Trọng tâm hoạt động ngoại giao lúc này là ngăn chặn khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự và chuẩn bị dư luận thuận lợi cho cuộc tấn công giải phóng Miền Nam.

Dự đoán trước Mỹ có thể thay Nguyễn Văn Thiệu bằng nhân vật khác để yêu cầu thương lượng và thi hành Hiệp định. Ngày 21/3/1975, ta khóa chặt thêm giải pháp chính trị, nêu yêu cầu thay Nguyễn Văn Thiệu bằng chính quyền tán thành hòa bình, hòa hợp dân tộc, độc lập và dân chủ.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn. Trên cơ sở phân tích âm mưu các thế lực thù địch, chúng ta dự đoán sẽ có một chính quyền Sài Gòn

thuộc lực lượng thứ ba đứng ra thương lượng với CPCMLT. Vì vậy, ngày 26/4/1975, CPCMLT tuyên bố: “xóa bỏ hoàn toàn bộ máy Ngụy quyền và bộ máy chiến tranh, kìm kẹp của nó”.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 Miền Nam hoàn toàn giải phóng, giang sơn thu về một mối, đất nước thống nhất. Cả nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển trong hòa bình.

Kinh nghiệm hoạt động của Ngoại giao Việt nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã để lại cho ngành ngoại giao những bài học quý giá, đó là :

1. Phải luôn đổi mới tư duy cho phù hợp với sự phát triển của thời đại, phù hợp với nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới. Việc đổi mới tư duy phải tiến hành thường xuyên để theo kịp thực tiễn của cuộc sống biến động hết sức nhanh chóng, nhất là trong thời đại khoa học kỹ thuật công nghệ đang phát triển như vũ bão.

2. Phải luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết và nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong mọi hoạt động đối ngoại.

3. Khi đã có sức mạnh tổng hợp của dân tộc và của thời đại, hoạt động ngoại giao phải có phương châm và phương pháp đúng đắn để vận dụng sức mạnh tổng hợp đó vào thực tiễn một cách kịp thời và có hiệu quả.

4. Hoạt động đối ngoại phải kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực hoạt động khác của cách mạng nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp để hoàn thành nhiệm vụ. Trong thời bình, mặt trận ngoại giao phải kết hợp chặt chẽ với mặt trận kinh tế để góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

5. Trong hoạt động đối ngoại cần quán triệt phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

Hà Nội, ngày 8 tháng 12 năm 2021.

## ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM VỀ “VĂN HÓA NGOẠI GIAO VIỆT NAM”

Vũ Khoan

Hội nghị toàn quốc triển khai công tác đối ngoại theo tinh thần nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng là sự kiện mang tính lịch sử vì đây là lần đầu tiên Bộ Chính trị - Ban Bí thư triệu tập một cuộc họp toàn quốc về chủ đề trọng yếu này.

Nhân dịp này tôi xin chia sẻ đôi điều suy ngẫm riêng tư về “văn hóa ngoại giao Việt Nam” với cái nghĩa là minh triết ứng xử của người Việt chúng ta trong mối bang giao với thiên hạ. Bách khoa toàn thư của nước Anh Britanica từng định nghĩa ngoại giao là “khoa học và nghệ thuật điều hành quan hệ quốc tế”. Định nghĩa trên cho thấy bản thân hoạt động ngoại giao đã mang trong mình nội hàm văn hóa.

Qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã vun đắp nên nền văn hiến huy hoàng, trong đó có văn hóa ngoại giao độc đáo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao là sự kết tinh và phát triển những giá trị vô giá được tích tụ qua các thời đại Lý, Trần, Lê, Tây Sơn... Không phải ngẫu nhiên UNESCO từng vinh danh Bác Hồ của chúng ta là “anh hùng giải phóng dân tộc” đồng thời là “nhà văn hóa kiệt xuất”!

Nội hàm “văn hóa ngoại giao” rất rộng, đòi hỏi sự nghiên cứu sâu sắc; ở đây tôi xin mạo muội chia sẻ những điều suy nghĩ riêng tư theo 4 nhóm đặc trưng.

*Một là*, trên thế giới hiếm có dân tộc nào giống dân tộc ta phải đổ biết bao xương máu để gìn giữ giang sơn trước các cuộc xâm lăng của các thế lực thù địch mạnh hơn gấp bội. Hận mất nước đã hun đúc thêm lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường sắt đá bảo vệ cho được quyền độc lập của dân tộc, chủ quyền của quốc gia.

Những câu thơ hào sảng trong bài “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt thể hiện mạnh mẽ lòng tự tôn và ý chí kiên cường dân tộc:

“Nam quốc sơn hà, Nam đế cư,  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành kham thủ bại hư”<sup>1</sup>

Trong “Hịch tướng sỹ” Trần Hưng Đạo đã trút hết tâm can thề rằng: “...dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thầy ta bọc trong da ngựa” cũng nguyện phan thân quân Nguyên Mông xâm lược trà đạp nước Nam.

---

<sup>1</sup> Dịch ra là: Sông núi nước Nam, Nam đế ở; Điều này sách trời đã ghi rõ; Giặc càn cơ sao vẫn sang xâm phạm; Bay phải chịu đòn thất bại to



Tiếp nối truyền thống hào hùng của người xưa, 76 năm trước, cũng trên quảng trường Ba Đình này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng đọc tuyên bố trước toàn thế giới:

“Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”<sup>2</sup>.

Gắn liền với ý chí sắt đá bảo vệ độc lập của nước nhà, quyền tự do của nhân dân, văn hóa ngoại giao Việt Nam luôn hàm chứa *tinh thần hòa hiếu*.

Nghĩa quân Lam Sơn đã từng thả 10 vạn tù binh của nhà Minh về nước vào ngày 19 tháng 12 năm 1284 do:

“Nghĩ kẻ nước nhà trường cửu,

Tha cho mười vạn hàng binh.

Gây lại hòa hảo cho hai nước,

Dập tắt chiến tranh cho muôn đời”<sup>3</sup> như Nguyễn Trãi từng giải bày.

Một trong những biểu hiện sáng ngời về văn hóa hòa hiếu trong thời hiện đại là tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Việt Nam muốn “làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với ai”<sup>4</sup>. Thể hiện tinh thần hòa hiếu, sau Cách mạng tháng Tám Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành hoạt động ngoại giao sôi động nhằm cứu vãn hòa bình. Người đã trực tiếp đàm phán với đại diện chính quyền Pháp để ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, tiếp đó đích thân thăm chính thức nước Pháp gần 5 tháng trời để chỉ đạo đoàn đàm phán của nước ta tại hội nghị Phôngtennoblô đồng thời để tranh thủ dư luận Pháp và thế giới ủng hộ nguyện vọng độc lập, thống nhất của nhân dân ta; đến phút chót, trước khi lên đường về nước, Người đã nỗ lực đàm phán để ký Tạm ước 14/9 nhằm tranh thủ thêm thời gian chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược không thể tránh khỏi. Chuyến thăm Pháp năm 1946 của Bác thực sự là hiện tượng độc nhất vô nhị trong quan hệ quốc tế, khi nguyên thủ quốc gia từng bị cái gọi là “mẫu quốc” thực dân kết án tử hình vắng mặt, nay lại dùng máy bay và tàu chiến chính của họ sang thăm Pháp trên danh nghĩa thượng khách! Quả là tấm gương sáng ngời về lòng dũng cảm và khí phách vô song của một vị anh hùng hiên ngang “vào hang bắt cọp” với niềm tin sắt đá vào chính nghĩa của sự nghiệp và sự đồng lòng triệu người như một của toàn dân!

Hai là, một đặc điểm khác của văn hóa ngoại giao Việt Nam là *tinh thần nhân văn*, như Nguyễn Trãi từng bộc bạch:

<sup>2</sup> Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2/9/1945

<sup>3</sup> Nguyễn Trãi trong bài “Phú núi Chí Linh” in trong cuốn “Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời đại” của Nguyễn Lương Bích do Nxb Công an Nhân dân ấn hành năm 2003, tr.150. Sự kiện lực lượng khởi nghĩa Lam Sơn thả 10 vạn quân Minh diễn ra ngày 29/12/1427

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, T.5, tr.257

”Xét như nước Đại Việt ta,  
Thật là một nước văn hiến...,  
Rút cục lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn,      Lấy chữ nhân mà thay cường  
bạo”<sup>5</sup>.

Tiếp nối truyền thống người xưa, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần *tự tôn dân tộc nhưng không nuôi hận thù dân tộc*, luôn phân biệt rạch ròi giữa các tầng lớp nhân dân với các thế lực hiếu chiến; sau khi kết thúc chiến tranh luôn bày tỏ thiện chí “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai”; ngay đối với tù binh cũng luôn đối xử nhân đạo. Một sự kiện khác cũng thuộc loại độc nhất vô nhị trong lịch sử thế giới là sau chiến dịch biên giới toàn thắng, Bác Hồ - một vị nguyên thủ quốc gia đã nguy trang đích thân tới thăm tù binh Pháp và dặn dò anh em chăm lo chu đáo cho cuộc sống của họ.

Làm ngoại giao, cá nhân tôi có nhiều dịp đi thăm nước ngoài và tiếp xúc với nhiều nhân vật các nước khác. Một lần tới thăm Houston – thành phố lớn nhất ở bang Texas (Mỹ), cựu Tổng thống Mỹ G. Bush (cha) có gặp riêng tôi; trong câu chuyện ông ta có chia sẻ rằng, vào năm 1994, khi đã nghỉ hưu ông tỏ ý muốn sang thăm Việt Nam thì nhiều người khuyên can không nên đi vì người Mỹ đã gây ra nhiều điều không hay, không phải ở đất nước này, tuy nhiên ông vẫn quyết định lên đường. Theo lời ông ta kể, ông rất ngạc nhiên thấy suốt chuyến đi không một ai tỏ thái độ thù nghịch gì với ông ta, thậm chí nhiều người, trong đó có nhiều cựu chiến binh Việt Nam ứng xử với ông rất thân mật! Ông hỏi tôi vì sao như vậy? Tôi bèn trả lời rằng, người Việt Nam chúng tôi luôn kiên định bảo vệ non sông đất nước của mình đồng thời rất rộng mở, khi hết chiến tranh luôn sẵn sàng vượt qua quá khứ để hướng tới tương lai của mối quan hệ hữu nghị, hợp tác. Nhiều người Nhật Bản, Hàn Quốc cũng nêu ra những câu hỏi tương tự như ông Bush và tôi luôn nói nửa đùa nửa thật: nếu chúng tôi nuôi hận thù dân tộc mãi thì sống được với ai vì nhiều nước lớn đến xâm lược Việt Nam quá!

Thực sự tinh thần nhân văn đã giúp dân tộc ta “đánh vào lòng người, không chiến cũng thắng”<sup>6</sup> như Nguyễn Trãi bày tỏ.

*Ba là*, trong khi nêu cao niềm tự hào về nền văn hiến lâu đời và bản sắc riêng có của dân tộc, người Việt Nam không bao giờ khép kín mà luôn *mở lòng* tiếp nhận tinh hoa văn hóa của cả phương Đông lẫn phương Tây, luôn nhạy bén nắm bắt các xu thế tiến bộ lớn của thời đại; trong thương thuyết luôn kiên định bảo vệ lẽ phải nhưng không ngạo mạn; trong giao tiếp luôn cởi mở nhưng không xuồng xã; trong ứng xử luôn khiêm nhường nhưng không quy lụy; khi đãi đằng khách quý luôn chu đáo nhưng không gò bó...”*Ngoại giao chiến lang*”, “ngoại giao bất nạt” là những kiểu hành xử rất xa lạ đối với văn hóa ngoại giao Việt Nam.

<sup>5</sup> Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo

<sup>6</sup> Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi

Đối với văn minh nhân loại, ngay từ năm 1919 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: "Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường"<sup>7</sup>. Một minh chứng khác về tinh thần cởi mở của Người là tháng 12 năm 1946, trên ngưỡng cửa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác đã gửi cho Liên Hợp Quốc bức thư bày tỏ: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực.

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình;

a) b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các sân bay và đường giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

b) c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia một tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hợp Quốc"<sup>8</sup>.

Xem như vậy khái niệm "hội nhập quốc tế" đã được Bác Hồ nêu ra từ 75 năm trước chứ không phải tới 1996 mới xuất hiện trong văn kiện Đại hội VIII.

*Bốn là*, trong quá trình đấu tranh cách mạng nói chung và đấu tranh ngoại giao nói riêng đã hình thành nên cả một *hệ thống phương cách hành động* đa dạng về loại hình, tinh tế về tính chất, hiệu quả về tác dụng thể hiện rất rõ đặc sắc văn hóa Việt Nam.

Về mối quan hệ giữa thực lực và ngoại giao, Bác Hồ từng nhấn mạnh: "Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn"<sup>9</sup>.

Quả thật, nếu không có chiến thắng Điện Biên phủ tháng 4/1954 thì cũng không dễ gì đưa được vào Tuyên bố cuối cùng của Hiệp định Giơnevơ cam kết của các nước tham dự Hội nghị công nhận "độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta; Hiệp định Pari khó có thể được ký vào đầu năm 1973 nếu không có Điện Biên Phủ trên không vào tháng 12 năm 1972!

Điều đó không có nghĩa là ngoại giao đóng vai trò thụ động; trái lại thành công của ngoại giao về phần mình đã đóng góp thiết thực và to lớn vào việc củng cố thực lực.

Khi nói tới "thực lực" có lẽ nên hiểu là sự tổng hòa cả "sức mạnh cứng" (hàm ý nói về kinh tế và lực lượng vũ trang) lẫn "sức mạnh mềm" thể hiện trong tinh hoa văn hóa dân tộc, ý chí kiên cường và tinh thần đoàn kết của toàn dân; tính chính nghĩa của sự nghiệp; tính đúng đắn của đường lối và sự sắc bén trong lãnh đạo, điều hành.

---

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh. Sđd, T.1, tr.14

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, T.4, 470

<sup>9</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, T.4, tr. 147

Những cách tiếp cận “cương – nhu” tùy từng vấn đề, từng thời điểm và từng đối tác; “nguyên tắc của ta thì vững chắc nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”<sup>10</sup> đều thể hiện rõ nét đặc sắc văn hóa ngoại giao Việt Nam.

Văn hóa ngoại giao Việt Nam còn thể hiện trong những phương châm quan trọng mà Bác Hồ từng nhấn mạnh trong tập thơ Nhật ký trong tù:

“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,  
Kiên quyết không ngừng thể tiến công,  
Lạc nước hai xe đành bỏ phí,  
Gặp thời một tốt cũng thành công”<sup>11</sup>.

Chính với tinh thần ấy, hoạt động ngoại giao Việt Nam luôn dựa trên sự phân tích kỹ lưỡng mọi nhân tố bên trong và bên ngoài, luôn thể hiện tinh thần tấn công ngay cả khi tạm thời hòa hoãn; không chỉ nhanh nhạy nắm bắt mà luôn chủ động tạo dựng thời cơ giành thắng lợi.

Thế theo triết lý “bạn bè xa không bằng láng giềng gần” đồng thời thể hiện khí phách dân tộc Bác Hồ từng xác định chủ trương coi “các nước Á châu là anh em, ngũ cường là bạn bè”<sup>12</sup>. Nay chúng ta đã có thể báo cáo với Bác rằng, chủ trương nhìn xa trông rộng của Người đã trở thành hiện thực sinh động, khi nước ta có quan hệ thân hữu với tất cả các nước châu Á và nâng tầm quan hệ với cả 5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc lên mức hợp tác chiến lược và hợp tác toàn diện, hơn thế nữa nước ta đã 2 lần gánh vác và thực hiện thành công trọng trách ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an.

Là nước nhỏ nhưng luôn phải đối đầu với các đội quân xâm lược từ các nước lớn, triết lý ngoại giao Việt Nam luôn ẩn chứa ý tưởng đánh thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến tới thắng lợi hoàn toàn. Bằng việc ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chúng ta đã đẩy được 20 vạn quân Tưởng về nước để dồn sức ứng phó với quân Pháp đang thời bạc nhược; Hiệp định Giơnevơ đã đem lại hòa bình và tự do cho miền Bắc làm hậu phương lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam; Hiệp định Pari đã tạo điều kiện cho quân dân ta thực hiện trọn vẹn lời Bác dặn: đánh cho “Mỹ cút” để rồi đánh cho “ngụy nhào” và thống nhất giang sơn.

Triết lý cách mạng và ngoại giao Việt Nam luôn coi trọng ý tưởng về “sức mạnh tổng hợp” của các quân chủng hợp thành: đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân; bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao trong thời chiến; chính trị, kinh tế và văn hóa trong thời bình. Ngày nay, khi nước ta đang hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045, trước những cơ hội và thách thức mới trên thế giới, nên chăng đã tới lúc đặt cao hơn nữa và thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa ngoại giao khoa học –

<sup>10</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập. Sđd, T.8, tr.555

<sup>11</sup> Như trên. T.3, tr.287

<sup>12</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, T.5, tr.161

công nghệ, ngoại giao đào tạo, ngoại giao môi trường tương tự như chiến dịch “ngoại giao vắc-xin” đang được tiến hành ráo riết!

Đặt sự nghiệp dân tộc trong dòng chảy của thời đại, ngoại giao Việt Nam luôn giương cao ngọn cờ “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế” qua đó gia tăng gấp bội thực lực bản thân.

Được vận dụng nhuần nhuyễn trong công cuộc cách mạng nói chung, hoạt động ngoại giao nói riêng, những triết lý trên đã góp phần cực kỳ quan trọng vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta suốt 76 năm qua.

Phải chăng những điều kể trên thể hiện 4 đặc sắc văn hóa ngoại giao Việt Nam: kiên định trong mục tiêu; nhân văn trong cốt cách; rộng mở trong tâm hồn; linh hoạt trong hành động? Những cảm nhận trên nảy sinh trong tôi không chỉ qua việc nghiên cứu tài liệu, sách vở mà còn qua những điều được nghe, được thấy, thậm chí được tham gia suốt 65 năm gắn bó với nghề. Thế hệ cán bộ ngoại giao lứa 9-x của chúng tôi có hạnh phúc lớn là từng được phục vụ nhiều hoạt động ngoại giao của Bác Hồ và những người học trò gần gũi của Người như các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, Xuân Thủy, Nguyễn Cơ Thạch... nên lĩnh hội được rất nhiều bài học sâu sắc thể hiện tâm văn hóa trong giao tiếp đối ngoại. Rất tiếc rằng do khuôn khổ bài viết có hạn nên không bộc bạch được!

Hy vọng rằng, chủ đề này sẽ được đi sâu nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá toàn diện để biến chúng thành một trong những “báu vật quốc gia” về nền văn minh đất Việt.

Việc vận dụng nhuần nhuyễn những giá trị văn hóa ngoại giao không chỉ là công việc của các nhà ngoại giao chuyên nghiệp mà còn là yêu cầu không thể thiếu đối với mọi ngành, mọi cấp, thậm chí cả đối với mỗi người dân trong bối cảnh đất nước hội nhập sâu rộng chưa từng thấy với thế giới bên ngoài. Thiết nghĩ, khi tiếp xúc với bạn bè gần xa ở trong nước cũng như khi đi ra nước ngoài, mỗi người chúng ta đều cần phải trở thành những vị “đại sứ” chuyển tải tinh hoa văn hóa dân tộc nói chung và văn hóa ngoại giao Việt Nam nói riêng tới cộng đồng quốc tế. Tiếc rằng, trong cách ứng xử với bên ngoài có những người chẳng những không “khoe” được cái đẹp mà còn lộ ra những nét chưa đẹp, chưa hay. Nếu không gột sạch những vết mờ ấy thì văn hóa dân tộc nói chung và văn hóa ngoại giao Việt Nam khó bề tỏa sáng hết cỡ.

Riêng những người trực tiếp hoạt động đối ngoại cùng một lúc phải gánh trên vai tới bốn nền văn hóa: văn hóa ngoại giao, văn hóa dân tộc, văn hóa cần có của mỗi công chức, đảng viên và cả văn hóa nhân loại trong đó có văn hóa riêng có của các dân tộc để có thể nhập gia tùy tục một cách xuôn xẻ. Cách tiếp cận như vậy sẽ giúp chúng ta thấp sáng hơn nữa văn hóa ngoại giao Việt Nam. Hy vọng rằng, các hội nghị toàn quốc về văn hóa, về xây dựng Đảng và về đối ngoại tiếp nối nhau

diễn ra là những cú hích mạnh mẽ thúc đẩy văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa ngoại giao Việt Nam nói riêng thêm tỏa sáng! Vận dụng lời chỉ bảo của Bác Hồ: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, chúng ta tin rằng, văn hóa ngoại giao sẽ soi đường cho ngoại giao Việt Nam không ngừng tiến bước, góp phần to lớn hơn nữa vào công cuộc hiện đại hóa đất nước, đưa Việt Nam lên đài quang vinh, sánh vai cùng bè bạn năm châu như Bác Hồ hằng mong ước.